

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TỔNG CÔNG TY GIẤY VIỆT NAM
VIỆN NGHIÊN CỨU CÂY NGUYÊN LIỆU GIẤY**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐỀ TÀI
CẤP BỘ NĂM 2009**

TÊN ĐỀ TÀI:

**NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG VÀ ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP
PHÁT TRIỂN CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ SẢN XUẤT
GIỐNG CÂY NGUYÊN LIỆU GIẤY TRONG TỔNG CÔNG TY
GIẤY VIỆT NAM TẠI VÙNG TRUNG TÂM BẮC BỘ**

Cơ quan chủ quản: BỘ CÔNG THƯƠNG

**Cơ quan chủ trì: VIỆN NGHIÊN CỨU
CÂY NGUYÊN LIỆU GIẤY**

Chủ nhiệm đề tài: ThS . NGUYỄN TUẤN ANH

7745
02/3/2010

PHỤ THỌ: 12 - 2009

PHẦN 1: TỔNG QUAN

1.1 Cơ sở pháp lý của đề tài

- Căn cứ quyết định số 6363/QĐ-BCT ngày 02/12/2008 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc đặt hàng thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ năm 2009 với Viện nghiên cứu cây nguyên liệu giấy.

- Căn cứ hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ số: 082.09.RD/HĐ-KHCN ngày 04 tháng 03 năm 2009 giữa Bộ Công thương với Viện nghiên cứu cây nguyên liệu giấy.

- Căn cứ quyết định số 13/QĐ-KHTH ngày 05/03/2009 của Viện trưởng Viện nghiên cứu cây nguyên liệu giấy về việc giao nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

1.2. Tính cấp thiết và mục tiêu nghiên cứu của đề tài

1.2.1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong sản xuất nông lâm nghiệp hiện nay, đặc biệt trong trồng rừng công nghiệp, một yếu tố rất quan trọng quyết định đến thành công, hiệu quả SXKD đó là công tác giống. Giống có năng suất cao, kháng bệnh tốt, thích nghi với nhiều điều kiện sinh thái và lập địa, đáp ứng được yêu cầu về sản phẩm cho sản xuất. Tuy nhiên, khi có được giống tốt do bản chất di truyền mang lại, nhưng để có được cây giống chất lượng cao, đúng quy cách, tiêu chuẩn kỹ thuật cho trồng rừng, thì cần một loạt các yếu tố đi kèm và triển khai đồng bộ như kỹ thuật, cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất, quá trình quản lý, giám sát, cơ chế chính sách trong sản xuất cây giống...

Trong hơn 10 năm qua, giống đã có những đóng góp quan trọng, làm thay đổi hoàn toàn bộ mặt SXKD trồng rừng của các công ty lâm nghiệp trong tổng công ty giấy Việt Nam tại vùng Trung tâm. Rừng trồng đại trà do có giống tốt, năng suất bình quân đạt $12 - 16 \text{ m}^3 / \text{ha/năm}$ (*Số liệu tổng hợp thực hiện khai thác 2006-2008 phòng lâm sinh*) diện tích được mở rộng, tạo nên những vùng NLG tập chung, góp phần cung cấp ổn định nguyên liệu cho công nghiệp chế biến giấy của Tổng công ty giấy Việt Nam.

Đạt được kết quả trên là một thành công đáng kể. Tuy nhiên, với năng suất rừng trồng như vậy, chưa thể đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi về nhu cầu nguyên liệu và hiệu quả SXKD trồng rừng NLG hiện nay. Nguyên nhân chính ngoài công tác QLVR, cơ chế khoán quản, thực hiện quy trình kỹ thuật...Trong đó có công tác quản lý, sản xuất giống có ảnh hưởng không nhỏ

đến năng suất, chất lượng rừng trồng. Cụ thể việc tổ chức sản xuất cây giống còn chưa tuân thủ nghiêm ngặt các yêu cầu về kỹ thuật, sản xuất manh mún không tập chung, dàn trải, cơ sở vật chưa động bộ và đảm bảo tiêu chuẩn, nhiều nơi xuống cấp, chưa được đầu tư, sửa chữa kịp thời. Nguồn nhân lực trong chỉ đạo, giám sát và sản xuất không chuyên còn thiếu và yếu, nhận thức về giống chưa đầy đủ ... Với các nguyên nhân như vậy, cây giống đưa vào trồng rừng còn một số không đủ tiêu chuẩn, ảnh hưởng lớn năng suất, chất lượng dẫn đến SXKD chưa hiệu quả như mong muốn. Vì vậy, để nâng cao chất lượng cây giống phục vụ trồng rừng, thì việc điều tra đánh giá thực trạng công tác quản lý và sản xuất giống tại Công ty, đơn vị là hết sức cần thiết, là cơ sở đề xuất các giải pháp có tính khoa học, thực tiễn, nhằm phát triển công tác quản lý và sản xuất giống trong các đơn vị vùng Trung Tâm trực thuộc Tổng công ty giấy Việt Nam.

Với lý do trên năm 2009 Viện được Bộ Thương Phê duyệt triển khai đề tài: *Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển công tác quản lý sản xuất giống cây nguyên liệu giấy trong Tổng công ty giấy Việt Nam tại vùng Trung Tâm Bắc Bộ.*

1.2.2 Mục tiêu nghiên cứu của đề tài

- Làm rõ thực trạng công tác quản lý và sản xuất giống cây NLG trong Tổng công ty giấy Việt Nam tại vùng Trung Tâm.
- Xác định được các yếu tố thuận lợi, khó khăn đối với công tác quản lý và sản xuất giống.
- Đề xuất các giải pháp phát triển công tác quản lý và sản xuất giống cây NLG.

1.3 Địa điểm đối tượng và nội dung nghiên cứu.

1.3.1 Địa điểm nghiên cứu: Các công ty lâm nghiệp, Viện nghiên cứu cây NLG trong vùng Trung tâm trực thuộc Tổng công ty giấy Việt Nam.

a) Một số đặc điểm tự nhiên vùng NLG Trung tâm.

- Vùng NLG Trung tâm có tổng diện tích tự nhiên 672.498 ha thuộc phạm vi hành chính của 5 tỉnh: Hà Giang, Tuyên Quang, Yên Bái, Phú Thọ và Vĩnh Phúc, cách thủ đô Hà Nội 100 km về phía Tây Bắc; có tọa độ địa lý từ 21°00' đến 22°25' vĩ độ Bắc và từ 104°20' đến 105°40' kinh độ Đông.

- Về địa hình, đây là vùng chuyển tiếp giữa vùng núi cao phía Tây Bắc và vùng đồng bằng Bắc Bộ, bao gồm địa hình đồi, núi thấp và núi trung bình.

Địa hình chia cắt mạnh, độ dốc cục bộ lớn, thung lũng sâu tạo thành các kiểu địa hình khác nhau. Tổng quát toàn vùng có thể chia ra:

+ Vùng núi trung bình: Gồm các huyện Bắc Quang (Hà Giang); Hàm Yên (Tuyên Quang); Lục Yên, Văn Yên, Trấn Yên, Yên Bình, Văn Chấn (Yên Bái). Độ cao trung bình 500 - 700 m, độ dốc trung bình 25 - 30°, nhiều nơi dốc hiểm > 40°, địa hình chia cắt mạnh và thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam.

+ Vùng núi thấp: Gồm các huyện Thanh Sơn, Yên Lập, Hạ Hoà, Đoan Hùng (Phú Thọ); Lập Thạch, Tam Dương (Vĩnh Phúc). Độ cao trung bình 300 - 500 m, độ dốc trung bình 20 - 25°, thấp dần theo hướng Tây Bắc - Đông Nam và Đông Bắc - Tây Nam đổ về sông Hồng và sông Lô.

+ Vùng đồi: Bao gồm các huyện còn lại của tỉnh Phú Thọ và Vĩnh Phúc, địa hình chủ yếu là đồi gò thấp và trung bình, độ cao trung bình từ 50 - 200 m, độ dốc trung bình 20°.

- Về địa chất, theo tài liệu địa chất miền Bắc Việt Nam của Tổng cục địa chất, có thể xác định được nền địa chất - đá mẹ tạo nên nền đất cơ bản của các vùng như sau:

+ Vùng Phú Thọ và Vĩnh Phúc: Nền đá mẹ tạo đất chủ yếu là các loại trầm tích cổ, gồm các loại đá Phiến thạch sét màu hồng và màu xám xen lẫn các loại đá Sa thạch mịn như Cát kết, Sỏi kết và một số loại Đá vôi.

+ Vùng Yên Bái, Tuyên Quang và Hà Giang: Nền đá mẹ chủ yếu là các loại đá biến chất cổ có nguồn gốc mắcma như đá Gnai, đá Phiến mica, Thạch anh giàu grafit.

- Về đất đai, từ nguồn gốc thành tạo địa chất và nền đá mẹ như trên, trải qua quá trình phong hoá, đã hình thành nên các loại đất chính với các đặc điểm cơ bản như sau:

+ Đất mùn trên núi cao: Diện tích 644 ha, chiếm 0,1% diện tích toàn vùng. Loại này phân bố ở độ cao > 1.700 m và có rải rác trên địa bàn huyện Văn Chấn tỉnh Yên Bái, đây là loại đất hình thành trên đá mắcma chua.

+ Đất Feralit có mùn trên núi trung bình: Diện tích 16.570 ha, chiếm 2,5% diện tích toàn vùng; phân bố ở độ cao từ 700 - 1.700 m, thuộc phần sườn trên và đỉnh các hệ thống núi trung bình, trên địa bàn các huyện Lập Thạch, Tam Dương tỉnh Vĩnh Phúc; huyện Văn Chấn, Văn Yên, Trấn Yên, Lục Yên tỉnh Yên Bái và huyện Thanh Sơn tỉnh Phú Thọ. Đất được hình

thành trên các loại đá mắcma chua và đá biến chất có nguồn gốc mắcma nên khả năng phong hoá tương đối mạnh.

+ Đất Feralit vùng đồi và núi thấp: Diện tích 493.358 ha, chiếm 73,8% diện tích tự nhiên vùng. Đây là loại đất có diện tích lớn nhất và phân bố ở tất cả các huyện trong vùng NLG Trung tâm. Đất được hình thành và phát triển trên nhiều loại đá mẹ khác nhau như đá mắcma và đá biến chất có nguồn gốc mắcma, có trên địa bàn tỉnh Yên Bái, Hà Giang, Tuyên Quang và phần lớn tỉnh Phú Thọ. Loại đá mẹ có nguồn gốc trầm tích như đá Phiến sét, đá Sa thạch.

+ Đất bồi tụ, thung lũng và đồng bằng phù sa: Diện tích 91.901 ha, chiếm 13,8% diện tích tự nhiên toàn vùng. Đây là loại đất chủ yếu được sử dụng phục vụ sản xuất nông nghiệp và xây dựng cơ bản.

- Về khí hậu, vùng NLG Trung tâm nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, nhưng do đặc điểm kiến tạo địa hình, đã hình thành nên nhiều tiểu vùng khí hậu, trên mỗi tỉnh cũng có những đặc trưng khí hậu khác nhau. Kết quả quan trắc qua nhiều năm, có thể phân chia khí hậu trong vùng thành hai khu vực chính:

+ Khu vực khí hậu núi thấp và núi trung bình: Thuộc phạm vi phía Bắc, Tây Bắc và Đông Bắc vùng nguyên liệu, khu vực này có những đặc điểm mùa Đông lạnh hơn các vùng lân cận (vùng Tây Bắc, Đông Bắc và đồng bằng Bắc Bộ). Nhiệt độ trung bình năm từ 22 - 24°C, trung bình cao nhất 33 - 35°C, trung bình thấp nhất 15°C, biên độ nhiệt trung bình ngày/đêm 7,5 - 7,9°C. Số giờ nắng trong năm từ 1.400 - 1.565 giờ. Lượng mưa bình quân năm 1.500 - 1.800 mm (cao nhất là 1.928 mm, ở Hàm Yên - Tuyên Quang). Mùa mưa tập trung vào các tháng 6, 7, 8; riêng vùng núi phía Bắc (huyện Bắc Quang, Hàm Yên) mưa từ tháng 4 đến tháng 9 với cường độ mưa rất mạnh (có thể đạt tới 3,6 mm/phút, lượng mưa ngày từ 50 - 100 mm). Độ ẩm tương đối trung bình 83 - 87%, tháng có độ ẩm cao nhất là tháng 3 (93%)

+ Khu vực khí hậu vùng đồi và trung du: Khu vực này mang nhiều nét của khí hậu vùng đồng bằng trung du Bắc bộ, mùa Đông và mùa Xuân ít nắng có nhiều sương mù và mưa phùn, mùa hè nóng và mưa nhiều. Mùa Đông khá lạnh do gió mùa Đông bắc trực tiếp thổi tới và ảnh hưởng của địa hình thung lũng. Nhiệt độ bình quân năm từ 23 - 25°C, nhiệt độ tháng nóng nhất 32°C, nhiệt độ tháng lạnh nhất 15,3°C. Lượng mưa bình quân năm từ 1.250 - 1.600 mm, tập trung vào các tháng 7, 8, 9; lượng mưa trung bình tháng cao nhất 340 - 350 mm. Độ ẩm không khí trung bình năm từ 83 - 86%.

b) Giới hạn địa điểm nghiên cứu:

Công tác quản lý và sản xuất giống tại 16 công ty lâm nghiệp và 01 Viện nghiên cứu được phân bố trên phạm vi 4 tỉnh là Hà Giang, Tuyên Quang, Phú Thọ và Vĩnh Phúc.

Từ thực tế và yêu cầu mục tiêu của nhiệm vụ, việc điều tra thu thập và đánh giá của đề tài sẽ được thực hiện trên các đơn vị trên.

1.3.2 Đối tượng nghiên cứu.

Công tác quản lý và sản xuất giống của 16 công ty lâm nghiệp và 01 Viện nghiên cứu cây NLG. Đây là các đơn vị nằm trong vùng Trung tâm Bắc Bộ trực thuộc Tổng công ty Giấy Việt Nam, với nhiệm vụ chính là nghiên cứu chọn tạo, sản xuất giống và tổ chức trồng, khai thác cung cấp gỗ NLG cho Nhà máy giấy Bãi Bằng:

Tại tỉnh Hà Giang gồm có 03 đơn vị: Công ty Lâm nghiệp Cầu Ham, Vĩnh Hảo, Ngòi sảo.

Tỉnh Tuyên Quang 03 đơn vị: Công ty Lâm nghiệp Tân Thành, Tân Phong, Hàm Yên.

Tỉnh Phú Thọ 10 đơn vị: Công ty lâm nghiệp Đoan Hùng, Thanh Hoà, Sông Thao, Tam Sơn, Xuân Đài, Yên Lập, A mai, Tam Thắng và Viện nghiên cứu cây NLG.

Tỉnh Vĩnh Phúc 01 đơn vị: Công ty lâm nghiệp Lập Thạch.

1.3.3 Nội dung nghiên cứu.

- Điều tra thực trạng trong công tác quản lý và sản xuất giống cây NLG tại 16 Công ty lâm nghiệp và 01 Viện nghiên cứu.
- Tổng kết, đánh giá thực trạng công tác quản lý và sản xuất giống của Tổng công ty tại các đơn vị của Tổng công ty thuộc vùng Trung tâm.
- Đề xuất các giải pháp nhằm phát triển công tác quản lý và sản xuất giống

1.4 Tổng quan tình hình nghiên cứu.

1.4.1 Trên thế giới.

Từ nhiều năm nay, một số nước trên thế giới đã thực hiện trồng rừng NLG theo phương thức đầu tư thâm canh cao. Để có cây giống chất lượng tốt phục vụ trồng rừng, các nước tập trung vào việc sản xuất cây con theo phương pháp nhân giống mô - hom. Những rừng trồng từ cây mô - hom đã đạt được độ đồng đều rất cao, duy trì được những đặc tính ưu trội của cây mẹ.

Các nước như Cộng hoà Nam Phi, Brazil, Trung Quốc ... đã xây dựng những vườn ươm công nghiệp sản xuất hàng chục triệu cây hom/năm và toàn bộ việc này được thực hiện trên dây chuyền công nghiệp. Bên cạnh việc tổ chức sản xuất giống theo quy mô công nghiệp từ khâu đóng bầu, cấy cây và chăm sóc... thì công tác quản lý giống cây trồng được tuân thủ một cách nghiêm ngặt từ khâu chọn cây trội, xây dựng rừng giống, vườn giống và trồng cây đầu dòng để làm giống gốc. Ngoài ra, công việc giám sát quá trình sản xuất và tiêu chuẩn hoá cây giống, được làm nghiêm túc theo đúng quy trình và tiêu chuẩn kỹ thuật. Việc thực hiện quy chế, quy định của nhà nước về giống cây lâm nghiệp đầy đủ nghiêm túc. Nhờ có phương pháp như vậy, nhiều nước đã đưa năng suất rừng đạt tới 50-70m³/ha/năm như ở Brazil. Hiện nay, với cây Bạch đàn (*Eucalyptus*) các chương trình cải thiện giống ở Brazil đã chọn lọc và phát huy ưu thế lai của tổ hợp lai giữa các loài và tạo ra những giống bạch đàn lai năng suất cao, có khả năng chống chịu sâu bệnh, như giống lai giữa *E.urophylla* x *E.grandis*, *E.urophylla* x *E.camandulensis*...vv các dòng chọn lọc của bạch đàn *E.deglupta* đã được đưa vào trồng rừng Công nghiệp. Với những dòng bạch đàn này các công ty trồng rừng ở Brazil như Aracruz, Jarsel seluloza khai thác và đạt được năng suất $\geq 40\text{m}^3/\text{ha}/\text{năm}$. Theo báo cáo của Griffin và Revelii hàng năm sản xuất được 270 triệu cây giống phục vụ trồng rừng, trong đó có tới 50 triệu cây hom bạch đàn tương đương với 45.000 ha rừng cao sản. Ở Trung Quốc trong chương trình hợp tác nghiên cứu với Australia, tại lâm trường Đông Men đã chọn được những dòng bạch đàn cao sản. Năng suất rừng trồng từ những dòng này đạt $\geq 30\text{ m}^3/\text{ha}/\text{năm}$, giống này đưa vào sản xuất cây giống phục vụ trồng rừng Công nghiệp trên diện rộng và đem lại hiệu quả kinh tế rõ rệt.

Các kết quả nghiên cứu trên thế giới cũng cho thấy, một chương trình cải thiện giống cây lâm nghiệp thành công, không chỉ dừng lại ở chọn được giống cây trồng năng suất cao, mà giống đó cần được nhân nhanh đáp ứng trồng rừng sản xuất đại trà. Những thành công trong công nghệ nhân giống invitro các loài cây lâm nghiệp, trước hết phải kể đến công nghệ nhân giống in vitro cây Tẻch, các dòng bạch đàn chọn lọc ở Thái Lan, Trung Quốc, các loài bạch đàn lai ở Brazil, Cônggô và Australia, cây Vân sam (*Picea*), thông Radiata (*Pinus radiata*) ở Newzeland, thông Caribê (*Pinus caribaea*) và Thông lai (*P. caribaea* x *P. elliottii*) ở Australia, vv....góp phần không nhỏ trong thành công của sản xuất cây giống phục vụ trồng rừng công nghiệp.

Với những thành công trong công tác chọn tạo giống và các phương pháp sản xuất cây giống trong những năm qua. Theo số liệu tổng kết của FAO đã

cho thấy, ngày nay trên toàn thế giới có khoảng 135 triệu ha rừng trồng công nghiệp bằng các giống của loài cây mọc nhanh đã được thiết lập, khoảng 75% diện tích rừng trồng tập trung tại các vùng ôn đới, 25% diện tích tập trung ở các vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới, khoảng 5% diện tích ở vùng Châu Phi và gần 10% diện tích rừng trồng tập trung ở vùng Châu Mỹ – La tinh, 20% diện tích tập trung ở các nước thuộc Liên bang Xô Viết (cũ), còn lại khoảng 25% diện tích tập trung ở các nước Châu Á - Thái Bình Dương và Châu Âu. Hàng năm có khoảng từ 0,8 – 1,2 triệu ha được trồng mới (FAO, 1993). Sự mở rộng hơn nữa các lâm phần rừng trồng công nghiệp vẫn đang tiếp diễn trên toàn thế giới. Ngành công nghiệp giấy sẽ tiếp tục đòi hỏi một khối lượng rất lớn nguồn nguyên liệu từ rừng trồng. Công nghệ tái chế giấy đã qua sử dụng hiện nay đang được khuyến khích phát triển bởi các nhà bảo vệ môi trường và một vài nước sẽ không đáp ứng đủ nhu cầu đang ngày càng gia tăng về giấy. Tương tự như vậy, ngành công nghiệp thép vẫn sẽ tiếp tục đòi hỏi một khối lượng lớn than chì, một dạng sản phẩm khác của gỗ rừng trồng công nghiệp dùng để luyện quặng sắt. Hầu hết sự mở rộng diện tích rừng trồng công nghiệp tập trung đều được trông đợi diễn ra tại Nam Mỹ và Đông Á, cụ thể là ở Trung Quốc.

Ngoài việc nghiên cứu và tổ chức sản xuất giống, việc lập kế hoạch hoàn chỉnh và một hệ thống chính sách hỗ trợ phù hợp là vấn đề trung tâm cho sự thành công của công tác giống đến các đơn vị trồng rừng, điều này cần đặc biệt quan tâm từ vấn đề đơn giản nhất đến vấn đề phức tạp nhất (Pritchard 1989), sự thiếu hụt của một hệ thống chính sách và kế hoạch hiệu quả là yếu tố cản trở chính đến sự thành công của việc ở nhiều đơn vị trồng rừng trong vùng nhiệt đới (Pandey 1997). Bên cạnh công tác cải thiện giống, kỹ thuật canh tác đồng bộ cũng góp phần đưa năng suất rừng lên cao. Việc tăng cường các biện pháp kỹ thuật liên hoàn từ làm đất - bón phân - chăm sóc - quản lý bảo vệ phòng trừ sâu bệnh đóng vai trò quan trọng trong việc nâng cao năng suất rừng. Kinh nghiệm của các công ty trồng rừng lớn ở Brazil, Cộng hòa Nam Phi, Trung Quốc đều phải làm đất bằng cơ giới, cây toàn diện, bón phân và thực hiện tưới nước cho cây sau khi trồng nếu cần thiết.

Kết quả của việc sử dụng các giống cây, được chọn tạo kết hợp với các biện pháp thâm canh hợp lý đã không ngừng nâng cao năng suất rừng, từ đó sẽ giải quyết được một vấn đề cơ bản là hiệu quả trên một đơn vị diện tích canh tác và nhu cầu nguyên liệu ngày một tăng trên thế giới. Hiện nay các tổ chức của thế giới như SAREC, CSIRO, ACIAR, AUSAD, DANIDA, IPGRI, UNDP, TFF, FAO vẫn tiếp tục triển khai nghiên cứu, khảo nghiệm, sản xuất

và xây dựng các thể chế quản lý giống cây lâm nghiệp phục vụ trồng rừng ở nhiều nước, ngoài ra còn hợp tác đầu tư, thông qua các dự án với các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam để giúp đỡ các nước nghiên cứu chọn lọc và cải thiện giống, sản xuất giống, xây dựng nguồn giống, Xây dựng thể chế chính sách trong quản lý và sản xuất giống. *(nguồn chiến lược giống lâm nghiệp 2006).*

1.4.2 Ở Việt Nam

Trước đây và hiện nay, nhu cầu về cây giống chất lượng cao cho trồng rừng là rất lớn. Bộ NN&PTNT có chương trình tăng cường năng lực giống cây trồng, vật nuôi và cây lâm nghiệp, ngoài ra công tác tuyển chọn, lai tạo, nhân giống bằng mô - hom để sản xuất cây giống được phát triển, giảm dần việc trồng rừng bằng các giống xô bồ, không rõ nguồn gốc, tăng tỷ lệ giống có chất lượng cao. Đến nay khoảng 70% giống cho trồng rừng sản xuất đảm bảo chất lượng. Để khuyến khích việc sử dụng giống tốt cho trồng rừng. Chính phủ rất quan tâm đến đầu ra cho các sản phẩm, đặc biệt là rừng trồng nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, bên cạnh việc tăng cường khả năng tiêu thụ nội địa như đầu tư mở rộng các nhà máy giấy cũ (Dự án nhà máy giấy Bãi Bằng giai đoạn 2 công suất 250.000 tấn bột/năm), xây dựng các nhà máy mới như: Dự án xây dựng mới nhà máy bột giấy An Hoà tại tỉnh Tuyên Quang 130.000 tấn bột/năm, Thanh Hoá công suất 50.000 tấn bột/năm, nhà máy ván sợi ép (MDF) ở Gia Lai công suất 54.000 m³ sản phẩm/năm, nhà máy ván dăm ở Thái Nguyên công suất 16.500 m³ sản phẩm/năm. Chính phủ còn khuyến khích các doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài khai thác nguồn nguyên liệu từ rừng trồng ở Việt Nam cho xuất khẩu. Nhiều công ty nước ngoài đã đầu tư vào Việt Nam trong lĩnh vực này trong vòng 10 năm lại đây, các công ty đầu tư vào lĩnh vực trồng rừng để sản xuất dăm gỗ xuất khẩu tương đối thành công và đang phát triển hiện nay là: Công ty trách nhiệm hữu hạn trồng rừng Quy Nhơn với loại hình kinh doanh 100% vốn đầu tư của nước ngoài do 3 cổ đông ở Nhật Bản tham gia đó là Oij Paper Co Ltd (51%), Nissho Wai Corp (39%), Dai Nippon Printing Co Ltd (10%), công ty này thành lập năm 1995 với qui mô trồng 13.000 ha rừng. Mỗi năm công ty này khai thác và chế biến dăm gỗ khoảng 80.000 - 90.000 tấn khô. Công ty thứ 2 là VIJACHIP đây là công ty liên doanh Việt - Nhật trong trồng rừng và sản xuất dăm gỗ xuất khẩu. Liên doanh này hoạt động được khoảng 10 năm và đang hoạt động tốt. Một liên doanh khác trong nước cũng đang hoạt động có hiệu quả đó là liên doanh trồng rừng và sản xuất dăm gỗ xuất khẩu do 4 đơn vị trong nước góp vốn triển khai đó là Tổng công ty sản

xuất đầu tư dịch vụ xuất nhập khẩu Bình Định (PISICO), Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam và 2 đơn vị khác của tỉnh Bình Định. Liên doanh này mỗi năm xuất khoảng 50.000 tấn dăm khô. Cùng với nhu cầu nguyên liệu gỗ nêu trên, Hội thảo quốc gia về loài cây ưu tiên cho trồng rừng ở Việt Nam năm 2001, các loài Bạch đàn và Keo tai tượng, Keo lai là một trong những đối tượng ưu tiên hàng đầu trong “Danh mục các loài cây ưu tiên cho trồng rừng trong toàn quốc”. Thực tế hiện nay cho thấy, hai loài cây này là cây trồng chủ lực ở hầu hết các vùng sinh thái trên toàn quốc, trong đó có vùng nguyên liệu giấy Trung tâm. Đối với Bạch đàn, cây giống cung cấp cho trồng rừng chủ yếu là từ nuôi cấy invitro và giâm hom. Hai phương pháp nhân giống này được ứng dụng mạnh mẽ nhờ đó mà năng suất rừng trồng bạch đàn nói riêng cũng như rừng trồng nói chung tăng lên đáng kể.

Kết quả đạt được trong lĩnh vực nghiên cứu và sản xuất giống phục vụ trồng rừng công nghiệp.

Những năm trước đây, cây giống Bạch đàn cho trồng rừng được gieo ươm từ hạt giống nhập nội, năng suất rừng trồng rất thấp, bình quân từ 6 đến 8 m³/ ha/ năm với chu kỳ kinh doanh 7-8 năm. Ở một số vùng khá hơn như một số thử nghiệm của Viện nghiên cứu cây NLG trên đất đồi trọc của tỉnh Phú Thọ, năng suất rừng trong thí nghiệm dòng dõi ở tuổi 7 đạt tới 12 m³/ ha/ năm và trong thí nghiệm thâm canh cao là 17 m³/ha/năm (*Đề tài xây dựng mô hình thâm canh các dòng bạch đàn ưu trội tại Phú Thọ của Nguyễn Quang Đức*). Trên những vùng đất tốt hơn như ở Mang Giang - Tỉnh Gia Lai (Tây Nguyên) trữ lượng cây đứng ở tuổi 5 đã đạt bình quân 23.6 m³/ ha/ năm, tương ứng với 118 m³/ha, có những lô đạt tới 25,2 m³/ha/năm. tương ứng với 126 m³/ha (*theo số liệu Viện điều tra quy hoạch rừng 11/ 1997*).

Trong giai đoạn này công tác trồng rừng được chú trọng nhiều vào khâu chất lượng giống và quản lý kỹ thuật nhằm tạo nên những bước đột phá về năng suất, tỷ lệ thành rừng đạt trên 80%, năng suất rừng trồng đạt 15-20/m³/ha/năm ở phía Bắc và 20-25 m³/ha/năm ở phía Nam. Nhiều khu rừng thí nghiệm đạt 35-40 m³/ha/năm có khả năng tổng kết đánh giá đưa vào sản xuất. Rừng trồng của một số công ty như Công ty trồng rừng Mang Giang (Gia Lai), Công ty Lâm sản Bình Thuận, Lâm trường Xuyên Mộc (Bà Rịa-Vũng Tàu) đạt 30-35 m³/ha/năm (*theo số liệu cảm nang ngành lâm nghiệp 2006*).

Có được kết quả như vậy là một số cơ sở đã thực hiện sản xuất giống cây Bạch đàn bằng phương pháp invitro ở quy mô công nghiệp như Viện nghiên

cứu cây nguyên liệu giấy - Phù Ninh - Phú Thọ, Công ty giống cây lâm nghiệp - Quảng Ninh, Công ty Giống cây Lâm nghiệp Trung ương, ...vv. Đồng thời, một số tỉnh và địa phương thành lập phòng nuôi cấy invitro để phục vụ cho công tác giống cây trồng và đã có những thành công bước đầu. Trung tâm giống cây trồng - Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam đã nhân giống thành công cây Keo lai (*A. mangium* x *A. auriculiformis*) bằng phương pháp giâm hom và mô tế bào để sản xuất và cung cấp cây đầu dòng cho các cơ sở sản xuất.

Những qui định, văn bản liên quan đến quản lý và sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp đã ban hành và đang triển khai thực hiện.

Trước năm 1979 rừng trồng của Việt Nam, hầu hết trồng bằng các giống xô bồ, chưa được kiểm nghiệm về chất lượng, chọn lọc cải thiện và đặc biệt các văn bản pháp quy, chế tài xử lý trong công tác quản lý, giám sát việc sản xuất và sử dụng giống chưa đầy đủ và thực thi nghiêm túc, nên rừng trồng thường kém chất lượng, sinh trưởng không đều, năng suất thấp. Rừng trồng quảng canh với cây mọc chậm chỉ đạt trên 5-6m³/ha/năm, cây mọc nhanh chỉ đạt từ 7-10m³/ha/năm. Cây mọc nhanh trồng thâm canh cũng chỉ đạt từ 10-15m³/ha/năm. Nhưng từ năm 1979 trở lại đây chất lượng giống cây lâm nghiệp đã dần dần được cải thiện và một loạt các văn bản chung của Nhà nước và ngành liên quan đến công tác nghiên cứu, quản lý và sản xuất giống cây trồng lâm nghiệp được ban hành và triển khai thực hiện góp phần hoàn thiện trong công tác quản lý và sản xuất cây giống phục vụ trồng rừng.

Quyết định số 03/2004/L-CTN ngày 5/4/2004 của chủ tịch nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về Lệnh của Chủ tịch nước công bố Pháp lệnh giống cây trồng.

Nghị định số 13/2001/NĐ-CP ngày 20/4/2001 của Chính phủ về Bảo hộ giống cây trồng.

Nghị định số 30/2000/NĐ-CP ngày 11/8/2000 của Chính phủ bãi bỏ 1 số giấy phép và chuyển 1 số giấy phép thành điều kiện kinh doanh

Quyết định Số 34/2001/QĐ-BNN-VP ngày 30/3/01 của Bộ NN&PTNT Qui định về điều kiện kinh doanh trong 1 số lĩnh vực thuộc ngành trồng trọt và chăn nuôi.

Quyết định số 86/2001/QĐ-BNN-KHCN ngày 23/8/2001 của Bộ NN&PTNT qui định tạm thời về công bố tiêu chuẩn chất lượng đối với hàng hoá chuyên ngành nông nghiệp.

Quyết định số 58/2001/QĐ-BNN-KNKL ngày 23/5/2001 của Bộ NN&PTNT về việc ban hành danh mục giống cây trồng, giống vật nuôi quý

hiểm cấm xuất khẩu, danh mục giống cây trồng giống vật nuôi được nhập khẩu.

Thông tư số 62/2001/TT-BNN-KHCN ngày 5/6/2001 hướng dẫn việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá thuộc diện quản lý chuyên ngành nông nghiệp.

Quyết định số 225/1999/QĐ-TTg ngày 10/12/1999 của Thủ tướng CP Về phê duyệt chương trình giống cây trồng, giống vật nuôi và giống cây lâm nghiệp 2000-2005.

Thông tư số 101/2001/TTLT-BTC-BNNPTNT, ngày 20/12/2001 Hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với kinh phí ngân sách nhà nước đầu tư cho Chương trình giống cây trồng, giống vật nuôi và giống cây lâm nghiệp thời kỳ 2000-2005.

Quyết định Số 117/1997/QĐ-KHCN&MT, ngày 30/12/1997 của Bộ KHCN&MT về Ban hành quy chế quản lý và bảo tồn nguồn gen thực vật, động vật và vi sinh vật.

Nghị định số 57/2005/NĐ-CP của chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giống cây trồng.

Quyết định Số 13/2005/QĐ-BNN, ngày 15/3/2005 của Bộ NN&PTNT về ban hành danh mục giống cây lâm nghiệp chính.

Quyết định Số 14/2005/QĐ-BNN, ngày 15/3/2005 của Bộ NN&PTNT về ban hành danh mục giống cây lâm nghiệp được phép sản xuất kinh doanh.

Quyết định số 15/2005/QĐ-BNN, ngày 15/3/2005 của Bộ NN&PTNT về ban hành danh mục giống cây lâm nghiệp phải áp dụng tiêu chuẩn ngành.

Quyết định số 124/1998/QĐ-BNN-KHCN ngày 31 tháng 8 năm 1998 của Bộ NN&PTNT về công nhận giống.

Quyết định Số 188/QĐ-BNN ngày 23/1/2003 Bộ NN&PTNT về việc ban hành tiêu chuẩn 04TCN-64-2003: Tiêu chuẩn công nhận giống cây lâm nghiệp

Quyết định số 3919/QĐ-BNN-KHCN ngày 22/8/2001 Bộ NN&PTNT về việc ban hành tiêu chuẩn 04-TCN-33-2001: Hạt giống cây trồng lâm nghiệp - phương pháp kiểm nghiệm.

Quyết định số 804/QĐKT ngày 2/11/93 và QĐ số 804/QĐKT ngày 2/11/93 của Bộ Lâm nghiệp về ban hành quy trình xây dựng rừng giống vườn giống.

Quyết định số 29/NN-KHCN/QĐ ngày 11/01/1997 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công nhận rừng giống chuyển hoá: Bồ đề (*Styrax tonkinensis*), keo tai tượng (*A. mangium*), bạch đàn uro (*E. urophylla*).

Quyết định số 4260 /QĐ/BNN/KHCN ngày 12/10/2000 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công nhận giống tiến bộ kỹ thuật loài và xuất xứ keo, bạch đàn.

Quyết định số 132/QĐ/BNN/KHCN ngày 17/01/2000 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công nhận 3 giống vô tính keo lai BV10, BV16 và BV32

Quyết định số 3499/QĐ-BNN-PTNT ngày 27 tháng 8 năm 2002 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc phê duyệt định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng cho dự án giống cây lâm nghiệp thuộc chương trình giống cây trồng, giống vật nuôi và giống cây lâm nghiệp giai đoạn 2000-2005.

Quyết định số 3645/QĐ-BNN-KHCN ngày 28/12/1998 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc công nhận hai dòng vô tính bạch đàn (*E. urophylla*) PN2 và PN14 của Trung tâm nghiên cứu cây nguyên liệu giấy để trồng rừng vùng Trung tâm và các vùng có điều kiện sinh thái tương tự để phục vụ nguyên liệu công nghiệp.

Quyết định 1173/QĐ-BNN-KHCN ngày 19 tháng 7 năm 2005 của Bộ NN&PTNT về việc công nhận 02 dòng bạch đàn vô tính (*PN54, PN116*) 02 dòng vô tính keo lai (*KL20, KLTA3*) 02 xuất xứ keo tai tượng (*SW cairns* và *Bloomfield*) là giống tiến bộ kỹ thuật.

Quyết định 2722/QĐ-BNN-KHCN ngày 7 tháng 9 năm 2004 của Bộ NN&PTNT về việc công nhận 03 dòng vô tính bạch đàn (*PN10; PN46; PN47*) 01 dòng keo lai (*KL2*) là giống tiến bộ kỹ thuật.

Quyết định số 1686/QĐ-BNN-KHCN ngày 09 tháng 6 năm 2006 của Bộ NN&PTNT về việc công nhận 03 dòng vô tính bạch đàn (*PN21; PN24; PN108*) là giống tiến bộ kỹ thuật; 01 dòng vô tính bạch đàn (*PN3d*) là giống quốc gia.

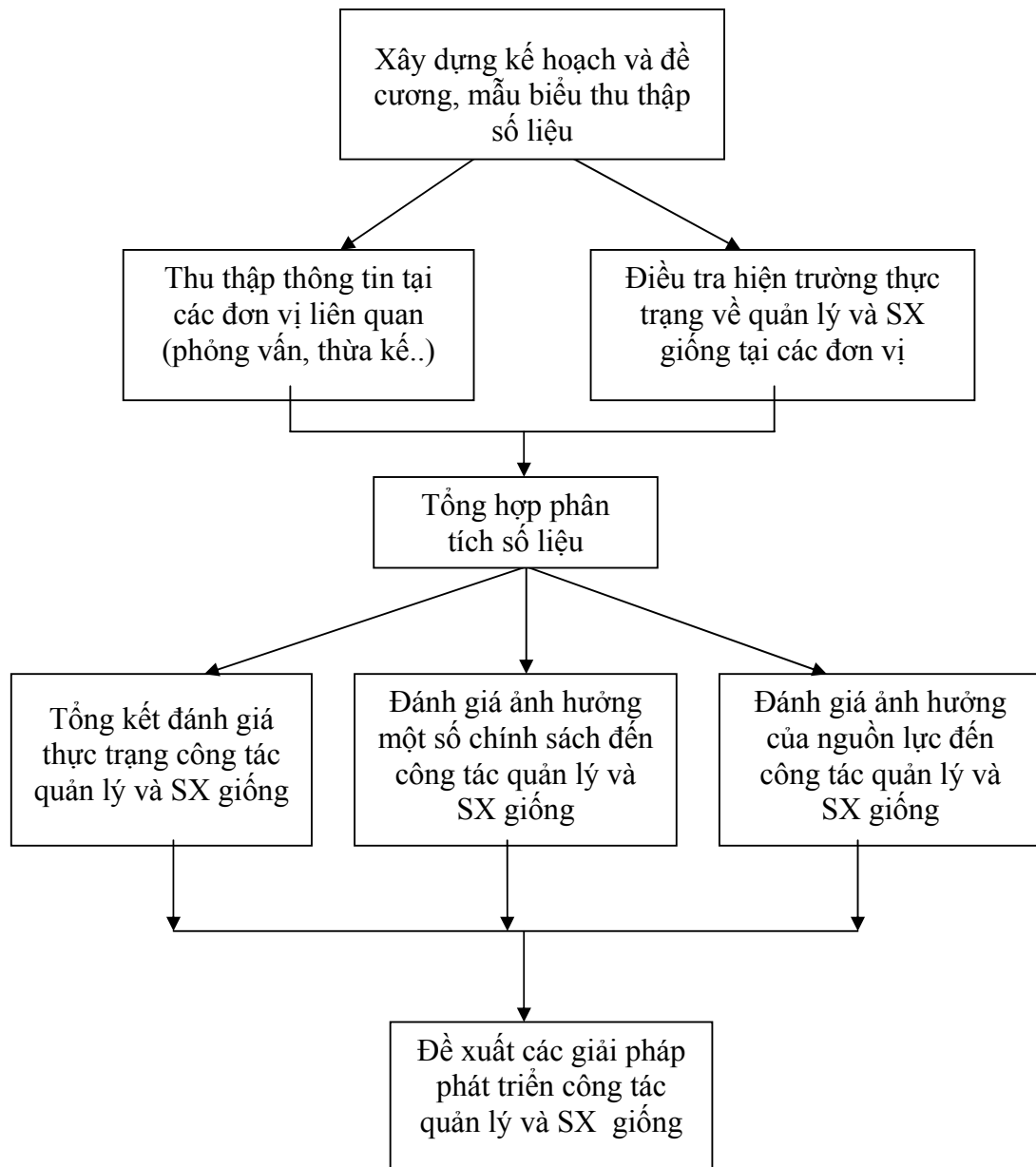
Các quyết định, văn bản trên đã góp phần không nhỏ trong việc nâng cao chất lượng giống cây lâm nghiệp đưa vào trồng rừng trong đó có giống cây NLG. Đây là cơ sở pháp lý, là công cụ giúp công tác quản lý và sản xuất giống đi vào nề nếp, tạo tiền đề cho sự phát triển công tác này trong tương lai.

PHẦN II. THỰC NGHIỆM.

2.1. Phương pháp nghiên cứu.

2.1.1 Quan điểm nghiên cứu và cách tiếp cận.

Với đối tượng nghiên cứu là lĩnh vực “quản lý và sản xuất giống” để đảm bảo thu thập được lượng thông tin đầy đủ, đủ độ tin cậy phục vụ cho việc tổng hợp và phân tích số liệu, làm cơ sở đề xuất các giải pháp có cơ sở khoa học, mang tính thực tiễn. Do vậy, cách tiếp cận của đề tài là tổng hợp đa chuyên môn và mang tính tổng thể được thể hiện sơ đồ sau:



2.1.2 Phương pháp cụ thể

- Kế thừa các số liệu, tài liệu liên quan

- + Các số liệu về điều kiện tự nhiên, KTXH khu vực nghiên cứu.
- + Các tài liệu khoa học, kết quả nghiên cứu về giống cây NLG trong những năm qua.
- + Số liệu về các cơ sở sản xuất cây giống (vườn ươm, diện tích, công suất, quy mô, giá trị đầu tư, hiệu quả..).
- + Các Văn bản pháp quy liên quan đến chính sách, định mức kinh tế kỹ thuật, quy trình, quy phạm kỹ thuật đối với việc nghiên cứu, sản xuất, quản lý và cung cấp giống.
- + Chiến lược lâm nghiệp Việt nam đến 2020, Chiến lược giống cây trồng lâm nghiệp, Chiến lược ngành giấy đến năm 2020, dự án mở rộng nhà máy giấy Bãi Bằng giai đoạn II.
- + Số liệu rừng trồng NLG các năm, kế hoạch trồng giai đoạn 2010-2015 của các công ty lâm nghiệp vùng Trung tâm...
- + Báo cáo tổng kết đánh giá SXKD và trồng rừng hàng năm của các công ty, đơn vị.

- Điều tra và tìm hiểu quá trình quản lý và sản xuất giống cây NLG (theo quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp).

Áp dụng phương pháp điều tra hiện trường kết hợp với phỏng vấn các nhà nghiên cứu, cán bộ quản lý, cán bộ kỹ thuật, công nhân... liên quan đến công tác quản lý, sản xuất giống từ Tổng công ty đến các công ty lâm nghiệp cụ thể:

- Xây dựng các câu hỏi phỏng vấn và hệ thống mẫu biểu để thu thập thông tin số liệu liên quan đến công tác quản lý và sản xuất giống của từng công ty, đơn vị .
- Điều tra tìm hiểu thực tế về công tác quản lý giống cây NLG.
- + Lực lượng cán bộ liên quan đến công tác quản lý và sản xuất giống.
- + Phương pháp quản lý giám sát, quản lý nguồn giống gốc, nguồn vật liệu cho sản xuất giống.
- Tìm hiểu công tác sản xuất và tiêu thụ giống cây NLG tại các công ty lâm nghiệp, Viện.

+ Điều tra cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất giống (Vườn ươm, nhà nuôi cấy mô,...) đầu tư vào công tác giống, bao gồm mục tiêu, vốn đầu tư, quy mô, công suất, địa điểm, thời gian thực hiện, kết quả sản xuất và tiêu thụ.

+ Các loài giống, dòng đã nghiên cứu thành công, giống nhập nội ... đang được áp dụng trong sản xuất hiện nay.

+ Điều tra nguồn cung cấp giống cho sản xuất (rừng giống, vườn giống, vườn cấp dòng, giống nhập nội...)

+ Điều tra và phỏng vấn: kỹ thuật xử lý hạt trước khi gieo, phương thức gieo, kỹ thuật cắt hom, tiêu chuẩn hom giống, kỹ thuật giâm hom, kỹ thuật cấy cây mầm mô, thành phần kích thích ruột bầu, cách tưới và chăm sóc cây con, tiêu chuẩn cây xuất vườn (toàn bộ nội dung đều được ghi vào mẫu biểu cho từng đơn vị)

- Tổng kết đánh giá thực trạng công tác quản lý và sản xuất giống.

+ Đánh giá hiện trạng quản lý và sản xuất giống.

+ Đánh giá hiện trạng về hệ thống vườn ươm và nhà nuôi cấy mô sản xuất giống.

+ Đánh giá hiện trạng về nguồn cung cấp vật liệu để sản xuất giống.

+ Đánh giá hiện trạng sản xuất và cung ứng giống.

+ Đánh giá hiện trạng hệ thống tổ chức sản xuất giống.

+ Đánh giá thực trạng quản lý giám sát việc thực hiện quy chế giống cây trồng lâm nghiệp và quy trình kỹ thuật trong sản xuất.

+ Đánh giá cơ chế hưởng lợi liên quan đến quản lý và sản xuất giống.

+ Đánh giá các hoạt động nghiên cứu giống cây NLG phục vụ cho sản xuất.

2.2 Kết quả nghiên cứu và thảo luận.

2.2.1. Đánh giá hiện trạng quản lý và sản xuất giống.

Hệ thống quản lý và tổ chức sản xuất giống cây NLG trong Tổng công ty giấy Việt Nam, được hình thành từ ngày đầu xây dựng vùng nguyên liệu Trung tâm, phục vụ nhu cầu trồng rừng cung cấp nguyên liệu cho nhà máy giấy Bãi Bằng do Chính phủ Thụy Điển tài trợ. Cùng với sự phát triển và quá trình chuyển đổi, hệ thống quản lý và tổ chức sản xuất giống đã ngày càng hoàn thiện. Trong những năm gần đây công tác giống luôn được Tổng công ty

đặc biệt quan tâm, trú trọng nhằm nâng cao chất lượng nguồn giống, cây giống cung cấp cho trồng rừng SXKD trong Tổng công ty, các tổ chức, đơn vị, cá nhân trong vùng và cả nước.

2.2.1.1 Hiện trạng về công tác quản lý giống cây nguyên liệu giấy.

Giống cây NLG nằm trong danh mục giống cây lâm nghiệp. Do vậy, việc quản lý giống trong Tổng công ty giấy Việt Nam hiện nay về cơ bản tuân thủ chặt chẽ các văn bản của nhà nước quy định về quản lý giống cây trồng lâm nghiệp do Bộ NN&PTNT ban hành.

** Về các văn bản quản lý.*

Thực tế, qua điều tra tìm hiểu tại Tổng công ty và các đơn vị thành viên trong vùng Trung tâm, cho thấy hầu hết các văn bản của nhà nước về quản lý giống cây lâm nghiệp (phụ biểu 07) đều được Tổng công ty thực hiện và triển khai, hướng dẫn các công ty, đơn vị thực thi đầy đủ nghiêm túc. Ngoài những văn bản của nhà nước quy định, trong quá trình triển khai chỉ đạo sản xuất và quản lý, Tổng công ty cũng đã ban hành những văn bản, quy chế hướng dẫn cụ thể các công ty lâm nghiệp, đơn vị liên quan, thực hiện công tác quản lý và sản xuất giống cây NLG đầy đủ, đúng quy định.

Qua xem xét các văn bản hiện nay đang được Tổng công ty chỉ đạo các đơn vị triển khai thực hiện, cho thấy: Trong các văn bản, có Pháp lệnh giống cây trồng (*ban hành năm 2004*) và quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp (*ban hành năm 2005*) đóng vai trò rất quan trọng, đã hội tụ được đầy đủ các vấn đề có liên quan đến quản lý giống cây lâm nghiệp, trong đó có cây NLG. Vì vậy, có nhiều văn bản trong số các văn bản ban hành đã được bao hàm trong Pháp lệnh giống, cần được bãi bỏ. Thực tế cho thấy, các văn bản ban hành tuy đã chú ý đến tính đặc thù của giống cây lâm nghiệp nhưng còn nhiều khái niệm, nội dung không có hoặc không phù hợp với giống cây lâm nghiệp đặc biệt là giống cây NLG. Vì vậy, Tổng công ty cần được cụ thể hoá trong các văn bản hướng dẫn cho các công ty, đơn vị thực hiện quy chế phù hợp với thực tế trong quản lý và sản xuất giống cây NLG.

** Các tiêu chuẩn, quy phạm chung về giống, các văn bản công nhận giống và nguồn giống: (Phụ lục 08)*

Trong các văn bản này có nhiều văn bản ban hành quá lâu, lỗi thời, nhiều tiến bộ kỹ thuật mới không được các công ty, đơn vị cập nhật để nắm bắt và triển khai vào sản xuất. Có văn bản đã được thay thế bằng các văn bản khác nhưng Tổng công ty, các đơn vị chưa cập nhật để loại bỏ trong quản lý

và chỉ đạo. Những tồn tại trên gây khó khăn cho công tác quản lý, cũng như gây khó khăn cho các đơn vị thực hiện.

Qua các văn bản quản lý giống cho thấy với những gì hiện có và đang áp dụng: Chỉ riêng các văn bản cấp nhà nước, ngành cũng đủ để quản lý về giống, ngoài ra những văn bản cấp Tổng công ty, các đơn vị cơ sở trong chỉ đạo sản xuất, giám sát việc thực hiện tiến độ, quy trình kỹ thuật sản xuất cây giống, tiêu chuẩn cây xuất vườn, cơ chế quản lý, phân phối, thời vụ sản xuất...cũng đã đáp ứng tốt yêu cầu quản lý chặt chẽ khâu giống, bảo đảm giống có chất lượng phục vụ trồng rừng và tiêu thụ. Vấn đề chỉ còn là việc tổ chức sản xuất và quản lý giám sát phải nâng cao trách nhiệm và thực hiện đúng quy trình kỹ thuật đã ban hành.

** Về tổ chức quản lý:*

Với chức năng và nhiệm vụ quy định, Tổng công ty giấy Việt Nam, chịu trách nhiệm quản lý giống gián tiếp thông qua ban hành các văn bản và quy chế chỉ đạo các đơn vị trực thuộc thực hiện và báo cáo, cụ thể:

- Xây dựng kế hoạch nhập và phân phối hạt giống cho các công ty, đơn vị.
- Xây dựng quy trình kỹ thuật trong sản xuất giống, tiêu chuẩn nguồn giống, cây con xuất vườn, cơ sở hạ tầng và các văn bản chỉ đạo trong sản xuất, quản lý giống, phân phối giống trên cơ sở pháp lệnh, quy chế quản lý giống cây trồng của nhà nước quy định.
- Quy hoạch và phê duyệt kế hoạch nghiên cứu phát triển giống, sản xuất thử nghiệm giống mới, giống đại trà phục vụ sản xuất theo năm và giai đoạn của các đơn vị cơ sở đề xuất.
- Quản lý việc thực hiện kế hoạch hàng năm về giống thông qua việc kiểm tra định kỳ việc thực hiện về tiến độ, khối lượng, chất lượng theo quy định.

Các đơn vị trực thuộc:

- Chịu sự giám sát và chỉ đạo của Tổng công ty các nội dung liên quan đến công tác quản lý và sản xuất giống cây NLG.
- Xây dựng kế hoạch và tổ chức sản xuất cây giống theo đúng quy trình kỹ thuật và các quy định khác được Tổng công ty ban hành.
- Trực tiếp quản lý, giám sát mọi hoạt động liên quan đến sản xuất cây giống của đơn vị theo kế hoạch được Tổng công ty phê duyệt hàng năm.
- Tổ chức phân phối và tiêu thụ cây giống, chịu trách nhiệm trước Tổng công ty và nhà nước về chất lượng cây giống đã sản xuất.

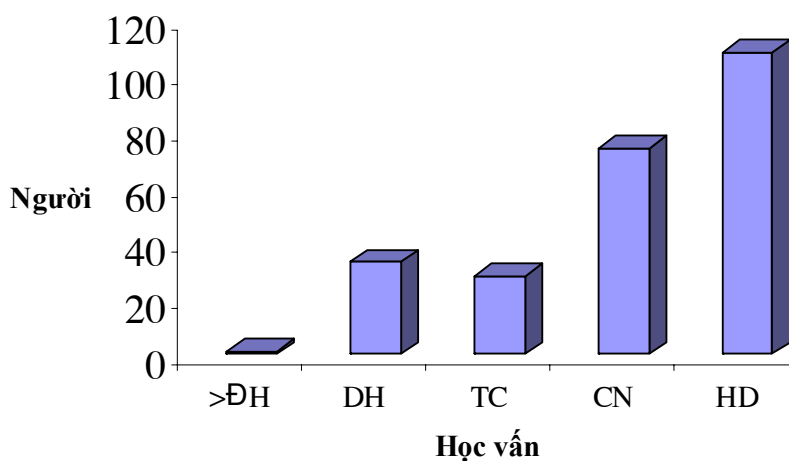
- Tổ chức báo cáo định kỳ về tiến độ thực hiện và các vấn đề phát sinh liên quan đến quản lý và sản xuất với Tổng công ty.

Với hệ thống tổ chức quản lý và sản xuất giống trong Tổng công ty được thực hiện như trên, đã nâng cao trách nhiệm, tính chủ động trong công tác quản lý, tổ chức sản xuất của các đơn vị đặc biệt làm giảm giá thành sản xuất cây giống. Tuy nhiên, vẫn còn nảy sinh một số hạn chế: Việc tổ chức sản xuất và tiêu thụ cây giống của các đơn vị dàn trải trên phạm vi rộng, thậm chí có công ty tổ chức sản xuất cây giống trên 9 vườn ươm tạm thời (xem phụ biểu 02) hoặc nơi gần với hiện trường trồng rừng. Điều này, gây khó khăn trong công tác theo dõi, đánh giá và kiểm soát của Tổng công ty. Công tác quản lý chất lượng và điều phối cây giống giữa các công ty, đơn vị với nhau trong Tổng công ty chưa hiệu quả, gây lãng phí và tăng chi phí trong sản xuất cây giống.

2.2.1.2 Hiện trạng nguồn nhân lực .

Kết quả điều tra thống kê (Phụ biểu 01) cho thấy hiện nay lực lượng cán bộ, công nhân liên quan đến công tác quản lý và sản xuất giống tại các công ty, đơn vị trong Tổng công ty giấy Việt Nam tại vùng Trung Tâm có 234 người; trong đó trình độ trên đại học 01 người chiếm 0,43%, đại học 33 người chiếm 14,1%, trung cấp 28 người chiếm 12 %, công nhân trực tiếp 185 người chiếm 79,1 %

Biểu đồ 01: Trình độ chuyên môn trong công tác giống



Lực lượng cán bộ quản lý, kỹ thuật trong sản xuất giống có tổng số 44 người trình độ trên đại học 01 người chiếm 2,3%, đại học 32 người chiếm 72,7%, Trung cấp 11 người chiếm 25,0 %; trong đó cán bộ làm công tác

chuyên trách trong công tác quản lý và sản xuất giống 18 người chiếm 41,0%, bán chuyên trách 26 người chiếm 59,0%.

Nhân lực trong sản xuất trực tiếp 184 người với trình độ đại học 01 người chiếm 0,6 %, trung cấp 17 người chiếm 9,2 %, công nhân 58 người chiếm 31,5%, còn lại người lao động hợp đồng thời vụ có khoảng 108 người chiếm 58,7%. Nhìn chung lực lượng cán bộ trong công tác quản lý và sản xuất giống của các Công ty lâm nghiệp vùng Trung tâm trực thuộc Tổng công ty có tỷ lệ thấp so với tổng số CBCNV có trong các công ty, đơn vị, trong khi khối lượng công việc, vai trò, vị trí, tầm quan trọng của giống trong SXKD rừng trồng NLG hiện nay đã được khẳng định, nhưng lực lượng này chủ yếu làm công tác kiêm nhiệm là chính (xem phụ biểu 01). Cán bộ có trình độ cao từ thạc sĩ trở lên hầu như không có, chỉ tập trung tại Viện nghiên cứu cây NLG, nhưng chủ yếu làm công tác nghiên cứu khoa học. Trong khi, hầu hết các cán bộ quản lý và chỉ đạo sản xuất giống của các công ty lâm nghiệp có số người được đào tạo về kỹ năng quản lý và sản xuất giống rất hạn chế. Trong sản xuất trực tiếp, lực lượng trong biên chế chủ yếu có trình độ công nhân lâm nghiệp, lực lượng lao động hợp đồng cơ bản là thuê lao động phổ thông ngay tại địa phương, người lao động hầu như không được đào tạo về kỹ năng sản xuất cây giống.

2.2.1.2. Hiện trạng về hệ thống vườn ươm, nhà nuôi cấy mô.

Dựa theo tiêu chí phân hạng vườn ươm giống lâm nghiệp của Bộ NN&PTNT. Kết quả điều tra (Phụ biểu 02) cho thấy, hiện nay trong Tổng công ty giấy tại vùng Trung tâm có tổng cộng có 46 vườn ươm. Trong đó vườn ươm cố định có 20 vườn; vườn ươm tạm thời có 26 vườn, tập trung chủ yếu ở các công ty lâm nghiệp như Ngòi Sáo, Yên Lập, Tam Sơn và Xuân Đài. Công ty lâm nghiệp Ngòi Sáo và A Mai hiện nay chưa có vườn ươm cố định. Do vậy, việc sản xuất cây giống chủ yếu trên các vườn ươm tạm thời giá trị đầu tư thấp, không đảm bảo yêu cầu về điều kiện sản xuất.

Vườn ươm cố định: Có 20 vườn với tổng diện tích 9,12 ha trong đó nhà giâm hom có 10 vườn diện tích 0,512 ha chiếm 5,6% còn lại là bể chứa và bãi tập kết cây giống sản xuất. Tổng công suất các vườn mỗi năm có thể sản xuất được 14,4 triệu cây các loại. Số vườn ươm có thể sản xuất từ 1 triệu cây/năm có 7 vườn gồm Công ty lâm nghiệp Cầu Ham, Vĩnh Hảo, Tân Thành, Hàm Yên, Đoan Hùng, Tam Thắng, Lập Thạch, Viện nghiên cứu cây NLG. Quy mô nhất theo hướng sản xuất công nghiệp chỉ có vườn ươm của Viện nghiên cứu NLG với công suất 2,5 – 3,0 triệu cây/năm do được đầu tư để phục vụ

nguyên cứu, sản xuất và sản xuất thử nghiệm giống mới. Tổng giá trị đầu tư của các vườn bao gồm cả đầu tư mới và sửa chữa nâng cấp từ năm 2000 đến nay là 3.624,4 triệu đồng, trong đó nguồn vốn do Tổng công ty cấp 2.861,8 triệu đồng cho các đơn vị là Viện nghiên cứu cây NLG, Công ty lâm nghiệp Đoan Hùng, Vĩnh Hảo, Tam Sơn, Xuân Đài, Tam Thanh, Yên Lập còn lại các vườn đều do các công ty lâm nghiệp tự đầu tư với nguồn kinh phí được trích vào giá thành các sản phẩm của đơn vị. Đây có thể nói có sự cố gắng rất lớn các công ty trong điều kiện hoàn cảnh còn nhiều khó khăn trong SXKD và đời sống thu nhập.

* *Vườn ươm tạm thời*: Có tổng số 26 vườn với tổng diện tích 1,98 ha; công suất mỗi năm đạt 3,4 triệu cây. Tổng giá trị đầu tư 753,4 triệu đồng, các vườn ươm này chủ yếu sử dụng mang tính tạm thời, thường được bố trí gần hiện trường nơi trồng rừng hoặc thậm chí ngay tại hiện trường để tiết kiệm chi phí trong sản xuất, nên giá trị đầu tư thấp. Đa phần các vườn điều kiện sản xuất hầu như không đạt tiêu chuẩn quy định về điều kiện sản xuất cây giống, đặc biệt là nguồn nước tưới, công tác kiểm tra giám sát và kiểm soát dịch bệnh không đảm bảo.

Qua điều tra đánh giá cho thấy, hệ thống vườn ươm phục vụ sản xuất cây giống của các công ty lâm nghiệp còn nhiều bất cập như: Công suất thiết kế cao xong sản xuất chỉ đạt 60-70% công suất, nhiều nhà giam hom được đầu tư bài bản không phát huy hết hiệu quả chỉ sản xuất cầm chừng, thậm chí không sản xuất. (Yên lập, Vĩnh Hảo, Tam Sơn) Nguyên nhân chủ yếu do công ty không sử dụng cây giống keo lai, bạch đàn cho kế hoạch trồng rừng hiện nay hoặc thiếu đầu ra cho sản phẩm. Công tác điều phối cây giống giữa các vườn trong Tổng công ty chưa thể thực hiện, dẫn đến nơi thừa, nơi thiếu gây lãng phí. Vấn đề đầu tư xây dựng vườn ươm chưa đồng bộ, thiếu khoa học và tính chiến lược lâu dài. Sản xuất cây giống chủ yếu trên nền đất, nguồn nước tưới và hệ thống vệ sinh, phòng trừ dịch bệnh chưa đảm bảo, thậm chí có công ty chưa có kinh phí để đầu tư xây dựng vườn ươm cố định. (A Mai, Ngòi Sảo)

* *Nhà nuôi cấy mô*: Với tổng diện tích 240 m² với đầy đủ máy móc trang thiết bị, công suất 3 triệu cây/năm sản xuất chủ yếu cây giống bạch đàn, keo lai vô tính... Đây có thể nói là công trình thành công nhất không chỉ trong Tổng công ty mà là cơ sở đầu tiên của cả nước về việc ứng dụng công nghệ sinh học trong sản xuất cây giống lâm nghiệp. Đến nay, Viện nghiên cứu đã chuyển giao công nghệ cho 30 tổ chức, đơn vị trong cả nước trong lĩnh vực

nuôi cây mô tế bào. Trong những năm gần đây đơn vị luôn sản xuất vượt công suất thiết kế nhưng không đủ cây giống đáp ứng nhu cầu của thị trường. Do vậy, để có cây giống chất lượng cao đáp ứng nhu cầu trồng rừng NLG đem lại hiệu quả trong SXKD lâm nghiệp, nhà nuôi cây mô Viện nghiên cứu cây NLG cần được đầu tư mở rộng, tăng công suất lên từ 6-7 triệu cây/năm. Tuy nhiên, để đáp ứng tốt hơn nữa nhu cầu về giống, công nghệ sản xuất giống theo phương pháp này cần mở rộng ra nhiều dòng bạch đàn mới có năng suất cao đã được công nhận là giống quốc gia, giống TBKT và đặc biệt là giống keo lai, keo tai tượng...

2.2.1.3 Thực trạng hệ thống nguồn cung cấp giống cho sản xuất.

** Hệ thống rừng giống, vườn giống cung cấp hạt.*

Biểu 01: Hệ thống rừng giống, vườn giống

Đơn vị	Rừng giống				Vườn giống			
	Keo hạt				Bạch đàn			
	Số lượng	Diện tích (ha)	nguồn gốc	SL hạt (kg/năm)	Số lượng	Diện tích	Nguồn gốc	SL hạt (kg)
Cầu Ham	1	4.8	chuyển hoá	250				
Viện NC	1	10,6	chuyển hoá	150	1	3.0	Thiết lập	5-10

Biểu 01 cho thấy, trong Tổng công ty giấy Việt Nam vùng Trung tâm hiện có 18,4 ha rừng giống, vườn giống cung cấp nguồn hạt phục vụ sản xuất. Trong đó rừng giống chuyển hóa keo tai tượng có tổng cộng có 15,4 ha. Vườn giống bạch đàn 3,0 ha các rừng, vườn giống này đều do Viện nghiên cứu cây NLG xây dựng và quản lý thông qua các hoạt động nghiên cứu khoa học công nghệ. Mỗi năm sản lượng hạt giống đạt khoảng 200-250 kg. Đây là nguồn giống chất lượng di truyền đã được nâng lên một bước do có sự chọn lọc lâm phần và áp dụng một số biện pháp kỹ thuật lâm sinh trong quy trình chuyển hóa rừng giống. Tuy nhiên, đây chỉ là bước trung gian, trong khi chờ thiết lập được các khu rừng giống, vườn giống có chất lượng cao hơn để thay thế. Những rừng, vườn giống mới được Viện thiết lập từ năm 2007, 2008 do chưa có hạt và chưa được cấp chứng chỉ công nhận rừng giống của các cơ quan có

thâm quyền (xem Phụ biểu 04) Do vậy, trong những năm tới vẫn chưa thể thay thế nguồn hạt từ các rừng giống trên. Vườn giống bạch đàn Fortip, do hiện nay nhu cầu sử dụng hạt cho trồng rừng hầu như không còn, do vậy, khối lượng hạt thu hái hàng năm đạt 5-10 kg chủ yếu phục vụ nghiên cứu phát triển giống mới của các đơn vị nghiên cứu.

*** Hệ thống vườn vật liệu cung cấp cây giống vô tính.**

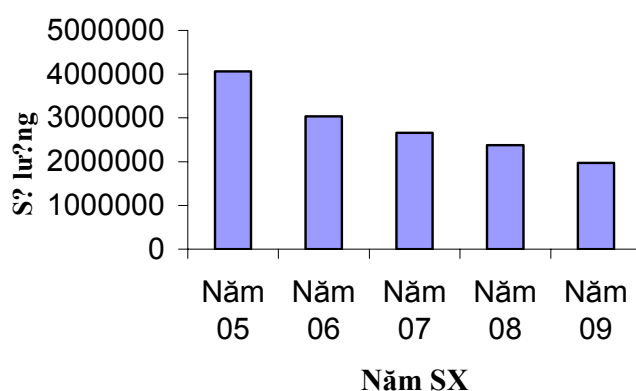
Biểu 02: Hệ thống vườn cấp dòng phục vụ sản xuất

Đơn vị	Loài cây											
	Keo lai						Bạch đàn					
	Số lượng	Diện tích (ha)	Công suất (1000c)	Giá trị đầu tư (triệu)	Tgian đầu tư (năm)	Địa điểm lấy giống gốc	Số lượng	Diện tích (ha)	Công suất 1000c	Giá trị đầu tư (triệu)	Tgian đầu tư	Địa điểm lấy Ggốc
Hàm Yên	1	0,30	300	17	2009	Viện						
Tân Phong	1	0,30	300	30	2005	Viện						
Đoan Hùng	2	0,20	300	20	2004	Viện KHLN						
Tam Thắng	1	0,20	100	8	2007	Viện KHLN						
Viện nghiên cứu	2	0,10	900	30	2007	Viện NLG, KHLN	1	0,15	900	22	2005	
Trung tâm Hàm Yên	1	0,25	500	12	2007	Viện NLG, KHLN						
Cộng	8	1,35	2400	116,6			1	0,15	900	22		

Hiện nay, phương pháp tạo cây con bằng nhân giống sinh dưỡng (nuôi cấy mô, giâm hom) được sử dụng phổ biến trong trồng rừng sản xuất. Tuy nhiên, qua điều tra thống kê tại các công ty, đơn vị cho thấy hệ thống, vườn cấp dòng phục vụ nhu cầu sản xuất cây con vô tính giảm mạnh so với những năm trước đây. Hiện chỉ có 8 vườn keo lai và 01 vườn Bạch đàn. Tổng diện tích vườn cấp dòng keo lai trên toàn bộ các đơn vị 1,35 ha; bạch đàn 0,15 ha chủ yếu tập trung ở các đơn vị (Công ty lâm nghiệp Hàm Yên, Tân Phong, Đoan Hùng, Tam Thắng, Viện cây NLG) trong đó có 02 vườn cấp hom keo lai, đến nay theo quy chế quản lý giống cây lâm nghiệp đã hết hạn khai thác hom (Đoan Hùng, Tân Phong). Tổng giá trị đầu tư cho các vườn cấp hom là 111,6 triệu đồng, chủ yếu do các công ty, đơn vị tự đầu tư xây dựng.

Ngoài nguồn cung cấp vật liệu để sản xuất cây vô tính cho trồng rừng là các vườn vật liệu thì nguồn cung cấp cây vô tính bạch đàn còn được sản xuất từ công nghệ nuôi cấy mô tế bào, do Viện nghiên cứu cây NLG sản xuất. Đây là nguồn cung cấp tương đối tốt, đủ cho nhu cầu trồng rừng của các đơn vị trong Tổng công ty và tiêu thụ bên ngoài.

Biểu đồ 02: Diễn biến SX cây con vô tính keo lai và bạch đàn từ 2005-2009



Qua biểu đồ 02 và Phụ biểu 03 có thể nhận thấy sản xuất và nhu cầu cây giống vô tính trong Tổng công ty giảm dần từ năm 2005-2009, đặc biệt là giống keo lai. Nguyên nhân của vấn đề là qua điều tra, tìm hiểu tại các công ty, đơn vị và thực tế trong sản xuất hiện nay cho thấy giống keo lai đưa vào trồng rừng sinh trưởng nhanh, thích ứng với nhiều điều kiện lập địa khác nhau, nhưng rừng trồng 1-2 tuổi thường bị mối, dế phá hoại và gãy đổ do bão lốc, dẫn đến rừng trồng có tính ổn định thấp, rủi ro cao. Mặt khác, quy trình sản xuất cây giống vô tính phức tạp, giá thành cao, do vậy nhiều công ty lâm nghiệp đã hạn chế sử dụng cây giống này cho trồng rừng NLG. Hiện nay, trong Tổng công ty tại vùng Trung tâm chỉ có 02 đơn vị (công ty lâm nghiệp

Lập Thạch, Tam Thanh) do điều kiện đất đai chưa thể trồng các loài cây khác ngoài bạch đàn mô, hom nên tỷ lệ sử dụng cây giống vô tính để trồng rừng chiếm khoảng >95 % Còn lại các công ty lâm nghiệp khác chủ yếu trồng rừng bằng giống keo tai tượng từ hạt là chính.

2.2.1.4 Hiện trạng sản xuất và cung ứng giống cây NLG.

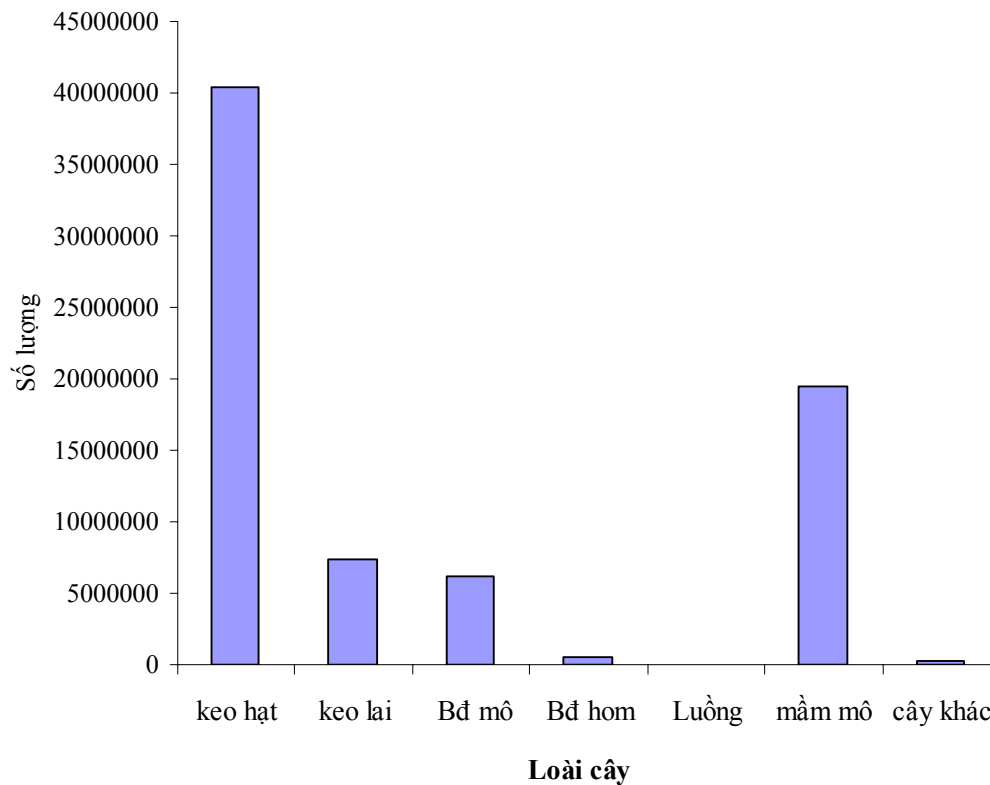
Biểu 03: Kết quả sản xuất và tiêu thụ cây giống 2005-2009

Năm	Tổng cộng	Loài cây							Tiêu thụ	
		Keo hạt	Keo lai	Bạch đàn mô	Bạch đàn hom	Luồng	cây mầm mô BĐ	cây khác	phục vụ đơn vị	Bán ngoài
2005	11781060	5281822	2721719	1314188	26000	11025	2426306	0	6378024	4745796
2006	11683881	6327171	1754323	1029397	253838	0	2068512	250640	6741975	4561706
2007	16147482	8710528	1286621	1315473	59560	0	4775300	0	8621091	7465391
2008	17784164	10302746	996402	1236650	140500	0	5107866	0	8032193	9700971
2009	16905960	9808933	632940	1306000	31787	0	5126300	0	7368173	9175787
Cộng	74302547	40431200	7392005	6201708	511685	11025	19504284	250640	37141456	35649651

Sản xuất giống: Qua biểu 03 cho thấy từ năm 2005-2009 các đơn vị đã sản xuất được tổng cộng 74.302.547 cây giống các loại, chủ yếu là Keo hạt 40.431.200 cây chiếm 54,4%; Keo lai 7.392.005 cây chiếm 9,9%; Bạch đàn mô, hom 6.713.393 cây chiếm 9,0%; Luồng 11.025 cây chiếm 0,02%; cây mầm mô Bạch đàn 19.504.284 cây chiếm 26,2%; cây khác 250.640 cây chiếm 0,38%. Cây giống sản xuất tại các công ty lâm nghiệp chủ yếu phục vụ nhu cầu trồng rừng của đơn vị. Số lượng cây giống bán ngoài không đáng kể. Về cơ cấu cây giống sản xuất có thể nhận thấy từ năm 2007 trở lại đây hầu như các công ty lâm nghiệp không còn sản xuất cây keo lai (phụ biểu 03a) nếu sản xuất thì chủ yếu bán ngoài. Đối với cây giống bạch đàn mô hom chủ yếu được sản xuất tại 3 đơn vị là công ty lâm nghiệp Lập Thạch, Tam Thanh và Viện nghiên cứu cây NLG. Số liệu thu thập cho thấy thực trạng việc sử dụng cây giống mô, hom vào trồng rừng trong Tổng công ty hiện nay có xu hướng giảm rõ rệt, so với năm trước đây, nguyên nhân chủ yếu là rừng trồng bằng giống keo lai, tuy có năng suất cao (nếu không gãy đổ và tỷ lệ sống cao) nhưng hay bị gãy, đổ khi bão lốc nên dẫn đến SXKD không ổn định, bạch đàn mô, hom do diện tích đất đai thích hợp trồng rừng hạn chế chỉ được thực hiện chủ yếu ở hai đơn vị là Tam Thanh và Lập Thạch. Với nguyên nhân như vậy, nên tỷ lệ sử dụng cây vô tính trong Tổng công ty rất hạn chế, cần phải có giải

pháp khắc phục để phát huy đặc điểm ưu việt của rừng trồng bằng giống vô tính.

Biểu đồ 03: Số lượng cây giống sản xuất năm 2009

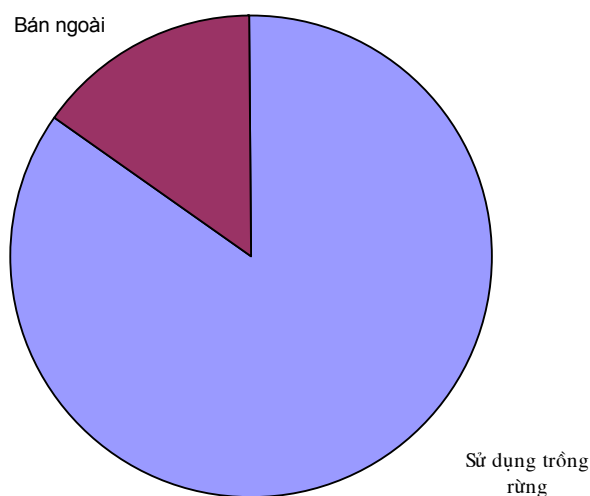


Số liệu bảng 03, biểu đồ 03 cho thấy: Số lượng cây giống sản xuất năm 2009, về chủng loại cây giống sản xuất như các năm về trước, không có sự khác biệt. Tổng số cây giống sản xuất năm 2009 tại các công ty, đơn vị trong Tổng công ty 16.905.960 cây các loại, chủ yếu là keo hạt 9.808.933 cây chiếm 58,0%; keo lai 632.940 cây chiếm 3,7%; bạch đàn mô hom 1.337.787 cây chiếm 7,9%; cây mầm mô bạch đàn 5.126.300 mầm chiếm 30,3%. Nguyên nhân số lượng cây con keo hạt được sản xuất với khối lượng lớn, do từ năm 2005 Tổng công ty có nhập nội nguồn hạt giống keo tai tượng từ Úc, phân phối cho các công ty lâm nghiệp sản xuất cây giống phục vụ trồng rừng thay thế hạt giống nội. Bước đầu cho thấy sinh trưởng và phát triển rừng trồng từ nguồn giống này tương đối tốt ở một số công ty lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ, Vĩnh Phúc. Nhưng tại khu vực Bắc Quang- Hà Giang và Hàm Yên – Tuyên Quang sinh trưởng chưa cho thấy sự khác biệt rõ rệt so với hạt nội (Nguồn “đề tài đánh giá sinh trưởng rừng trồng keo tai tượng từ nguồn giống nhập nội” năm 2008)

Cung ứng giống: Hiện nay, việc cung ứng nguồn hạt giống cho các công ty, đơn vị do Tổng công ty cung cấp (xem phụ biểu 06,07). Cây đầu dòng, cây mầm mô do viện nghiên cứu cây NLG, Viện khoa học lâm nghiệp Việt Nam, Trung tâm giống Quảng Ninh cung cấp cho các công ty thông qua hợp đồng mua bán để sản xuất cây giống, trên cơ sở kế hoạch trồng rừng và nhu cầu sản xuất hàng năm của các đơn vị.

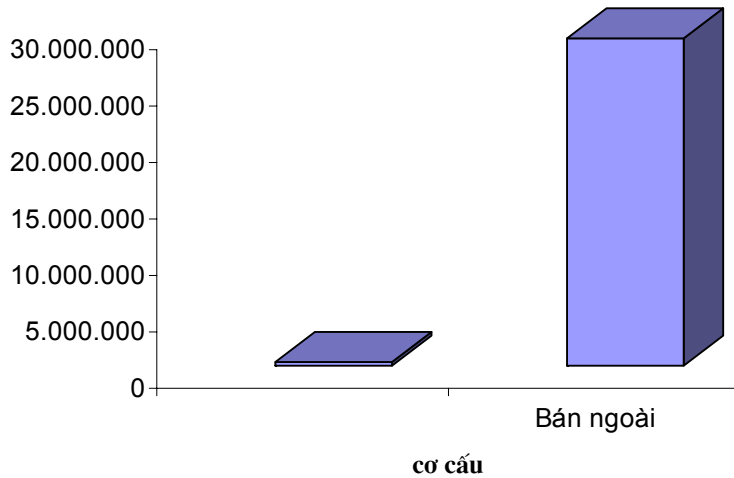
Đối với các công ty lâm nghiệp: Qua điều tra, thống kê (phụ biểu 03a) cho thấy, hầu hết các công ty lâm nghiệp từ năm 2005-2009 sản xuất cây giống chủ yếu phục vụ nhu cầu trồng rừng của đơn vị 36.769.756 cây chiếm 84,6% tổng số cây giống các công ty sản xuất, tiêu thụ bên ngoài 6.668.916 cây chiếm 15,4% khối lượng.

Biểu đồ 04: Cơ cấu sử dụng cây giống các công ty lâm nghiệp



Đối với Viện nghiên cứu cây NLG (Trung tâm Hàm Yên thuộc Viện) với chức năng chủ yếu nghiên cứu chọn tạo giống mới và sản xuất cây giống phục vụ nhu cầu trồng rừng của các tổ chức, đơn vị, cá nhân trong vùng Trung tâm và cả nước. Theo phụ biểu 03a từ năm 2005 –2009 Viện đã sản xuất được 29.654.935 cây chiếm 35,9% tổng số cây sản xuất trong Tổng công ty. Về chủng loại, sản xuất chủ yếu là cây mầm bạch đàn mô 19.504.284 mầm chiếm 65,7% trong tổng số cây giống của Viện, cây bạch đàn mô 3.888.274 cây chiếm 13,1%; cây keo hạt 3.965.473 cây chiếm 13,3%; còn lại các cây khác như keo lai, bạch đàn hom có 2.296.904 cây chiếm 7,9% . Số lượng cây giống Viện chủ yếu bán ngoài chiếm 97,7%; khoảng 2,3 % còn lại Viện chủ yếu phục vụ công tác trồng rừng khảo nghiệm, mô hình và trồng rừng SXKD hàng năm tại đơn vị.

Biểu đồ 05: Cơ cấu sử dụng cây giống của Viện



2.2.1.5 Hiện trạng về hệ thống tổ chức sản xuất giống.

Hệ thống tổ chức và quản lý giống hiện nay trong Tổng công ty giấy Việt Nam được quản lý và phân cấp theo hai cấp:

- Cấp Tổng công ty giấy Việt Nam: Là đơn vị chủ quản đối với các Công ty lâm nghiệp. Do vậy, trong nhiều năm nay Tổng công ty luôn quản lý và cung cấp nguồn hạt cho sản xuất cây giống phục vụ kế hoạch trồng rừng hàng năm của các công ty đơn vị (xem phụ biểu 07). Việc quản lý và phân phối nguồn hạt cho các công ty lâm nghiệp, do phòng lâm sinh thực hiện và có trách nhiệm theo dõi, giám sát quá trình sản xuất cây giống tại các công ty. Các công ty thực hiện việc báo cáo định kỳ, lưu giữ số liệu hàng năm để phục vụ công tác quản lý và chỉ đạo sản xuất của Tổng công ty.

Đối với nguồn vật liệu, phục vụ sản xuất cây giống như: Cây đầu dòng keo lai, bạch đàn mô, hom. Tổng công ty uỷ quyền cho các công ty được chủ động mua cây đầu dòng tại một số đơn vị như Viện nghiên cứu cây NLG, Trung tâm giống thuộc Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam và các đơn vị có đủ điều kiện cung ứng cây đầu dòng theo quy định để thiết lập vườn vật liệu cung cấp hom phục vụ sản xuất cây giống, với điều kiện tuân thủ đúng quy định về quy chế quản lý giống cây lâm nghiệp đã ban hành.

- Cấp các công ty lâm nghiệp trực thuộc: Tổ chức SXKD cây giống phục vụ nhu cầu trồng rừng của đơn vị và tiêu thụ bên ngoài. Việc tổ chức SXKD cây giống, đa phần các công ty lâm nghiệp giao trách nhiệm cho bộ phận vườn ươm, đội sản xuất trồng rừng của đơn vị tổ chức sản xuất, với sự

tham gia quản lý, giám sát của phòng kỹ thuật theo từng công đoạn. Khi cây con đạt tiêu chuẩn xuất vườn, công ty xây dựng kế hoạch điều phối cho các đội trồng rừng, hộ gia đình, tổ chức nhận khoán và tiêu thụ bên ngoài. Tuy nhiên, hiện nay còn một số Công ty lâm nghiệp, do điều kiện hiện trường trồng rừng cao, xa, đường xá đi lại khó khăn, để tiết kiệm chi phí và giảm giá thành sản xuất, đã tiến hành sản xuất cây giống tại các đội sản xuất hoặc ngay tại hiện trường trồng rừng (Công ty lâm nghiệp Xuân Đài, Yên Lập, A mai)

Nhận xét: Với hệ thống tổ chức sản xuất giống như hiện nay trong Tổng công ty, cho thấy đã phát huy tốt công tác quản lý, giám sát về nguồn giống và chất lượng cây giống. Tuy nhiên, vẫn còn một số hạn chế cần thay đổi như vấn đề cung ứng nguồn vật liệu, quản lý giống gốc, kiểm nghiệm chất lượng, bảo quản nguồn giống cho sản xuất. Tổng công ty nên giao cho Viện nghiên cứu cây NLG cung ứng và quản lý, do Viện là đơn vị có kinh nghiệm trong nghiên cứu chọn tạo, sản xuất thử nghiệm, đánh giá giống mới, nhập, bảo quản và lưu giữ giống. Do lực lượng mỏng, trong khi việc tổ chức sản xuất giống của một số công ty lâm nghiệp còn dàn trải không tập trung gây khó khăn trong công tác quản lý, giám sát chất lượng cây giống và kiểm soát dịch bệnh của Tổng công ty.

2.2.1.6 Việc thực hiện quy chế về quản lý giống cây trồng và quy trình kỹ thuật trong sản xuất cây giống.

Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp, được ban hành và triển khai thực hiện, đã góp phần không nhỏ vào việc nâng cao chất lượng sản xuất cây giống trong một vài năm gần đây. Để nâng cao chất lượng cây giống, Tổng công ty giấy Việt Nam đã nhìn nhận và thấy rõ vai trò, tầm quan trọng của quy chế quản lý giống đối với việc SXKD trồng rừng. Do vậy, đã triển khai và thực hiện quy chế rất nghiêm túc từ Tổng công ty đến các công ty, đơn vị lâm nghiệp trực thuộc. Qua thực tế điều tra cho thấy việc quản lý, kiểm tra của Tổng công ty đối với các công ty lâm nghiệp trong sản xuất cây giống được thực hiện theo đúng các bước trong chuỗi hành trình quản lý giống cây trồng lâm nghiệp đang áp dụng hiện nay (Phụ biểu 06). Ngoài các vấn đề quy định trong quy chế quản lý giống, Tổng công ty còn kiểm tra các công ty về việc thực hiện sản xuất cây giống theo đúng quy trình kỹ thuật đã được quy định. Định kỳ, Tổng công ty tiến hành kiểm tra tiến độ sản xuất và chất lượng cây giống để cùng các công ty xử lý các vấn đề tồn tại phát sinh liên quan trong sản xuất.

Với mục đích nâng cao chất lượng cây giống và tăng cường vai trò quản lý các công ty lâm nghiệp đều giao cho phòng kỹ thuật giám sát, chỉ đạo kỹ thuật đối với bộ phận vườn ươm của đơn vị, quá trình này được thực hiện đến khi cây đủ tiêu chuẩn xuất vườn. Với cách làm như vậy nên tiến độ sản xuất cây giống ở hầu hết các công ty lâm nghiệp hiện nay đều đảm bảo đúng mùa vụ, chất lượng cây giống ngày càng được nâng cao. Một thực tế hiện nay đối với các công ty lâm nghiệp và đơn vị sản xuất giống, ngoài sự kiểm tra, giám sát của Tổng công ty, do quy định của nhà nước thì Sở NN&PTNT các tỉnh là đơn vị quản lý cao nhất có tư cách pháp nhân trong việc quản lý giống cây lâm nghiệp. Theo quy định Sở NN&PTNT là đơn vị duy nhất ở cấp tỉnh có đủ tư cách cấp chứng chỉ cho rừng giống chuyên hóa, lâm phần tuyển chọn, vườn cấp dòng, cây trội và lô cây giống trước khi đưa vào trồng rừng hoặc tiêu thụ.

Nhận xét: Với việc thực hiện quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp như hiện nay là một bước đi đột phá trong công tác giống đã góp phần không nhỏ trong việc nâng cao chất lượng cây giống cho sản xuất lâm nghiệp nói chung và trồng rừng SXKD cây NLG nói riêng. Tuy nhiên, qua điều tra, thu thập số liệu và phỏng vấn tại Tổng công ty và các đơn vị trực thuộc cho thấy còn một số tồn tại như sau:

- Các đơn vị sản xuất cây giống hiện nay trong Tổng công ty nằm trên địa bàn 4 tỉnh (Hà Giang, Tuyên Quang, Phú Thọ, Vĩnh Phúc). Do vậy, việc thực hiện quy chế quản lý giống không đồng bộ còn có sự quy định khác nhau giữa các Sở NN&PTNT các tỉnh ở từng bước công việc....

- Việc thực hiện các yêu cầu công việc theo quy chế quá tỷ mỉ, khó thực hiện gây khó khăn trong công tác sản xuất của các đơn vị.

- Quá trình thực hiện công tác quản lý giám sát theo quy chế và cấp chứng chỉ công nhận giống của cơ quan chức năng (Sở NN&PTNT) chưa nhanh, gọn, nhiều khi còn mang tính hình thức chưa đáp ứng yêu cầu sản xuất của các đơn vị. Vấn đề quản lý và thực hiện quy chế đối với các cơ sở sản xuất giống tư nhân trên địa bàn chưa nghiêm, dẫn tới việc cạnh tranh không lành mạnh giữa các tổ chức, cá nhân sản xuất giống trong vùng với các công ty, đơn vị trong Tổng công ty, gây thiệt thòi và khó khăn trong tiêu thụ.

2.2.1.7 Thực trạng về cơ chế chính sách hưởng lợi liên quan đến quản lý và sản xuất giống.

Chính sách hưởng lợi liên quan đến công tác quản lý và sản xuất giống, là yếu tố kinh tế có tính then chốt liên quan đến tiến độ và tiêu chuẩn, chất lượng cây giống.

Đối với Tổng công ty là đơn vị quản lý. Do vậy, chỉ xây dựng và ban hành cơ chế, chính sách, văn bản chỉ đạo các Công ty lâm nghiệp trong việc thực hiện các vấn đề liên quan đến sản xuất giống. Tổng công ty chỉ đạo các công ty tổ chức sản xuất và phân phối lợi ích trong quá trình sản xuất giống trên cơ sở kế hoạch sản xuất và đơn giá cây giống được Tổng công ty phê duyệt.

Qua điều tra phỏng vấn các đơn vị, công ty lâm nghiệp cho thấy vấn đề thực hiện chính sách hưởng lợi trong quá trình quản lý và sản xuất cây giống chủ yếu theo 02 hình thức sau:

Hình thức 1: Khoán nhân công vật tư.

Đây là hình thức khoán công đoạn trong cơ cấu giá thành sản phẩm. Hiện nay, hầu hết các công ty lâm nghiệp đang áp dụng trong sản xuất cây giống. Cụ thể trên cơ sở giá thành cây giống đã được Tổng công ty phê duyệt, các đơn vị tính toán cân đối lại chi phí để tiến hành giao khoán. Các chi phí vật tư, nhân công, các công ty khoán cho tổ vườn ươm hoặc các đội sản xuất lâm nghiệp thực hiện. Khi đơn vị nhận khoán sản xuất được 01 cây giống đạt tiêu chuẩn xuất vườn thì được công ty, đơn vị nghiệm thu, thanh toán theo đơn giá nhân công vật tư giao khoán. Vấn đề tiêu thụ do công ty chịu trách nhiệm.

Hình thức 2: Khoán nhân công.

Đây là hình thức khoán nhân công trong cơ cấu giá thành sản phẩm, cơ chế thực hiện tương tự như hình thức khoán nhân công và vật tư. Với hình thức này hiện nay chỉ có các đơn vị thực hiện là (công ty lâm nghiệp Tam Thanh).

Với các hình thức khoán, trong sản xuất cây giống như hiện nay cho thấy tính khả thi và hiệu quả cao trong sản xuất cây giống, đã phát huy vai trò trách nhiệm của người lao động, giảm được các chi phí phát sinh không cần thiết mà chất lượng cây giống vẫn đảm bảo. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện ở các công ty hiện nay, người lao động và nhà quản lý vẫn còn một số tồn tại cần giải quyết như:

- Khối lượng cây giống sản xuất hàng năm rất hạn chế, lại mang tính thời vụ. Do vậy, khối lượng giao khoán chưa đủ công ăn việc làm, thu nhập cho người lao động và các chi phí khác như BHXH, dẫn đến người lao động chưa thực sự yên tâm sản xuất.

- Do ỷ nại vào việc giao khoán nên một số đơn vị không tăng cường kiểm tra giám sát quá trình sản xuất cây giống, dẫn đến chất lượng cây giống đôi khi chưa cao.

- Việc giao khoán trên tại các đơn vị, người nhận khoán chưa tự trang trải các chi phí liên quan (lương, BHXH, Y tế...) Do vậy, các công ty vẫn phải bao cấp lương hoặc bù lương cho các tổ chức hay cá nhân nhận khoán.

2.2.2 Đánh giá các hoạt động nghiên cứu phục vụ sản xuất giống.

Giống là nhân tố quyết định đến năng suất chất lượng rừng trồng, để có giống tốt, đặc biệt giống cây NLG cần phải có những nghiên cứu chọn tạo, khảo nghiệm, nhân giống... Ý thức được vai trò quan trọng đối với công tác nghiên cứu chọn tạo giống để phục vụ mục tiêu SXKD. Tổng công ty giấy Việt Nam hiện nay đang quản lý 01 Viện nghiên cứu về chọn tạo giống và thiết lập các biện pháp lâm sinh trong thâm canh trồng rừng NLG.

Qua điều tra thu thập thông tin, quá trình hình thành, phát triển cho thấy. Từ năm 1976 Viện đã tiến hành hàng loạt các khảo nghiệm chọn loài, xuất xứ bạch đàn và keo tai tượng. Trong quãng thời gian đó đã có hàng chục thí nghiệm với gần 200 xuất xứ của trên 30 loài bạch đàn, 150 xuất xứ của 43 loài keo được thiết lập trên nhiều dạng lập địa khác nhau ở vùng Trung tâm Bắc Bộ và các vùng khác. Dựa trên nguyên lý tương đồng sinh thái, Viện đã tập trung thu thập được những loài với các xuất xứ triển vọng trong hàng trăm loài khác nhau để làm khảo nghiệm nhằm giảm chi phí và rút ngắn thời gian nghiên cứu. Toàn bộ các nghiên cứu thí nghiệm nêu trên đều được triển khai theo các phương pháp đảm bảo tính khoa học. Đặc biệt, Viện đã sử dụng tổng hợp các chương trình cải thiện giống và kỹ thuật lâm sinh nhằm tăng năng suất rừng trồng. Trong đó, kết quả nổi bật là vận dụng tổng hợp các con đường cải thiện giống, với kỹ thuật nhân giống vô tính bằng phương pháp mô-hom tạo ra số lượng lớn cây giống chất lượng cao phục vụ trồng rừng, cụ thể là:

- Chọn lọc loài, xuất xứ và dòng ưu trội có năng suất cao, chống chịu sâu bệnh hại.

- Ứng dụng công nghệ nuôi cấy mô tế bào thực vật và nhân hom để nhân giống nhanh nhiều các dòng ưu trội (gọi tắt là công nghệ mô-hom).
- Chuyển giao công nghệ để phát triển vào sản xuất.
- Ứng dụng kỹ thuật trồng rừng thâm canh đồng bộ cho các giống năng suất cao.
- Xây dựng rừng giống, vườn giống.

Sau nhiều năm liên tục tập trung đầu tư nghiên cứu, Viện đã nghiên cứu thành công, chọn tạo được nhiều giống cây NLG có năng suất, chất lượng tốt và được Bộ NN&PTNT công nhận các giống quốc gia và giống tiên bộ kỹ thuật đưa vào trồng rừng công nghiệp, bao gồm: 11 giống bạch đàn *Eucalyptus urophylla* (PN2, PN14, PN3d, PN10, PN46, PN47, PN54, PN116, PN21, PN24, PN108) 3 dòng keo lai (KL2, KL20, KTTA3) và 2 xuất xứ keo tai tượng (SW Cairns và Bloomfield)

Đến nay, Viện đã chuyển giao công nghệ, quy trình kỹ thuật nuôi cấy mô và giâm hom cho 30 đơn vị sản xuất giống cây lâm nghiệp trong vùng và cả nước. Cung cấp cây giống chất lượng cao cho trồng rừng tại các khu vực thuộc Vùng Trung tâm Bắc Bộ, vùng Đông Bắc và vùng Bắc Trung Bộ... Trữ lượng cây đứng sau 6 năm của rừng trồng ở 2 khu vực Vạn xuân (thuộc huyện Tam Nông - Phú Thọ) là 123 m³/ha và Khu vực huyện Đoan Hùng - Phú Thọ là 155 m³/ha. Kết quả bước đầu này đã mở ra một bước ngoặt mới trong nghề trồng rừng công nghiệp ở nước ta. Trong những năm gần đây, Viện tiếp tục thực hiện một số đề tài và nhiệm vụ khoa học cấp Bộ, ngành. Một trong những kết quả của các nghiên cứu này là chọn lọc được hơn 200 dòng bạch đàn và keo tai tượng ưu trội ở vùng Trung tâm Bắc Bộ, đây là nguồn gen quý phục vụ cho các chương trình cải thiện giống tiếp theo. Ngoài ra thiết lập >150 ha rừng khảo nghiệm giống mới trên nhiều vùng khác nhau cho nhiều loài cây, kết quả cho thấy có một số dòng Bạch đàn, Keo lai, Keo tai tượng cho sinh trưởng, phát triển tốt và tiến tới đề nghị Bộ NN&PTNT công nhận là giống quốc gia, giống TBKT để đưa vào phục vụ sản xuất.

Với những kết quả nghiên cứu đã đạt được và ứng dụng vào sản xuất cây giống phục vụ trồng rừng cho Tổng công ty giấy Việt Nam nói riêng và ngành lâm nghiệp Việt Nam nói chung. Có thể nói, Viện Nghiên cứu cây NLG là một trong những đơn vị đi đầu về nghiên cứu chọn tạo giống cây lâm nghiệp trong cả nước. Rừng trồng từ giống của Viện cung cấp cho năng suất, chất lượng cao hơn hẳn các giống đại trà trước đây, sản xuất của các đơn vị kinh doanh trồng rừng công nghiệp đã có lãi, đây là điều khó tin vào những

năm của thập niên 90 trở về trước trong sản xuất trồng rừng. Tuy nhiên, với những thành công đã đạt được, hiện nay công tác nghiên cứu chọn tạo giống vẫn còn những hạn chế, cần khắc phục và vượt qua.

- Các nghiên cứu cải thiện giống không được thực hiện thường xuyên liên tục, do hạn chế về nhân lực, kinh phí. Do vậy, việc đưa ra nhiều giống mới có năng suất cao chưa đáp ứng được yêu cầu, năng suất rừng trồng đại trà chưa đạt mong muốn của các công ty lâm nghiệp.

- Đội ngũ cán bộ nghiên cứu có chuyên môn sâu còn thiếu và yếu, cần được đào tạo và thực hành công việc nhiều hơn để cải thiện chất lượng nghiên cứu.

- Cơ sở vật chất trang thiết bị như phòng thí nghiệm, máy móc, dụng cụ thí nghiệm còn rất hạn chế do không được đầu tư. Do vậy, chưa thể đáp ứng được nhiệm vụ nghiên cứu chọn tạo giống hiện nay đang đòi hỏi.

- Chưa hoàn thiện được công nghệ nuôi cấy mô một số giống bạch đàn PN46, PN47, PN10, PN21, PN108, PN24 và Keo lai KL2, KLTA3, KL20 theo quy mô sản xuất để đưa vào trồng rừng đại trà.

- Việc hợp tác trong nghiên cứu, nhập trao đổi thông tin, vật liệu giống, công nghệ nhân giống và sản xuất giống đối với các tổ chức trong nước và với các nước trong khu vực cũng như thế giới còn hạn chế.

- Vấn đề bảo vệ bản quyền và bảo hộ giống mới cây lâm nghiệp chưa hiệu quả dẫn đến gây thiệt thòi cho các đơn vị nghiên cứu ra giống mới phục vụ trồng rừng công nghiệp.

- Quỹ đất phục vụ cho công tác nghiên cứu khảo nghiệm, thử nghiệm và sản xuất thử hạn chế, gây khó khăn trong triển khai các đề tài và sản xuất thử nghiệm.

2.2.3. Thực trạng về hợp tác trong nước và quốc tế trong công tác giống.

Giống cây NLG ở nước ta được phát triển muộn hơn rất nhiều so với các nước trên thế giới và khu vực, mặt khác do thiếu kinh phí, cơ sở vật trang thiết bị nghiên cứu và sản xuất. Vì vậy, hợp tác trong và ngoài nước về nghiên cứu, quản lý, sản xuất giống có vai trò vô cùng quan trọng.

**** Giai đoạn 1974-1996***

Vùng NLG Trung tâm luôn có các dự án về giống cây lâm nghiệp của các tổ chức SIDA (Thụy Điển), UNDP, Sida-SAREC, CSIRO (Australia) với sự tài trợ của ACIAR. Các dự án tập trung vào khảo nghiệm loài và xuất xứ;

cải thiện, tuyển chọn cây trội; thu hái, bảo quản hạt giống và bảo tồn nguồn gen cây rừng; tăng cường năng lực nghiên cứu và sản xuất giống thông qua đào tạo và trang bị vật tư kỹ thuật. Tạo chuyển biến đáng kể kiến thức và phương pháp nghiên cứu cải thiện giống cây NLG ở nước ta, giúp cán bộ trong Tổng công ty tiếp cận các phương pháp chọn giống tiên tiến, đặc biệt là trong thời kỳ đầu. Tạo nguồn giống hết sức phong phú (cả về loài cây và xuất xứ) cho khảo nghiệm giống và chọn giống. Có thể nói, tất cả các giống quốc gia và giống tiến bộ kỹ thuật được công nhận đến nay của Viện nghiên cứu cây NLG đều là những giống được nhập thông qua các dự án hợp tác quốc tế.

Tuy vậy hợp tác quốc tế về giống chủ yếu chỉ tập trung ở cơ quan nghiên cứu (Viện nghiên cứu cây NLG hiện nay) còn ở các công ty lâm nghiệp hầu như không có

** Giai đoạn từ 1994 đến nay:*

Các chương trình hợp tác quốc tế không nhiều, chủ yếu là thực hiện dự án ACIA về nghiên cứu cây bản địa và hợp tác với Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam thực hiện dự án CARD 033/05VIE về khảo nghiệm nhân giống thông lai Carbeae. Giai đoạn này các đơn vị, trong Tổng công ty chủ yếu thừa hưởng những kiến thức kinh nghiệm, cơ sở vật chất trang thiết bị có sẵn, tự tổ chức nghiên cứu và sản xuất giống. Một thành công rất lớn trong vấn đề hợp tác quốc tế về sản xuất giống cây NLG trong giai đoạn này là năm 1994, Viện nghiên cứu cây NLG hợp tác và tiếp thu thành công, công nghệ nhân giống bạch đàn bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào từ Trung Quốc để sản xuất cây giống bạch đàn với số lượng lớn cung cấp cho các đơn vị trồng rừng đem lại hiệu quả kinh tế cao. Kết quả này cộng với kỹ thuật giâm hom cho một số dòng Bạch đàn và Keo lai đã giúp Viện tạo quan hệ hợp tác với nhiều đơn vị trong Tổng công ty giấy Việt Nam, Tổng công ty lâm nghiệp Việt Nam, các địa phương trong cả nước để chuyển giao công nghệ sản xuất cây giống chất lượng cao đưa vào trồng rừng. Ngoài ra các công ty lâm nghiệp, Viện tiếp tục hợp tác với Trung tâm giống cây rừng Viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam để nhập giống keo lai, bạch đàn lai xây dựng vườn cây đầu dòng và khảo nghiệm giống phục vụ sản xuất của Tổng công ty.

2.2.4. Đánh giá chung về công tác quản lý và sản xuất giống.

2.2.4.1. Những kết quả đạt được.

Với sự quan tâm của nhà nước, Tổng công ty giấy Việt Nam, Bộ Công Thương, các tổ chức quốc tế và sự nỗ lực của các công ty lâm nghiệp, đặc biệt là Viện nghiên cứu cây NLG. Do đó đã nhiều dự án, đề tài đầu tư cho nghiên

cứu và tăng cường năng lực cho công tác giống về đội ngũ cán bộ, về cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật... Nhờ vậy, công tác quản lý và sản xuất giống cây NLG trong Tổng công ty đã đạt được các kết quả bước đầu đáng ghi nhận. Đó là:

- Đã có hệ thống văn bản trong quản lý và sản xuất giống tương đối đầy đủ và phù hợp, phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo và giám sát quá trình sản xuất giống cây NLG.

- Xây dựng được một hệ thống rừng giống chuyển hoá với tổng diện tích 15,4 ha, bảo đảm cung cấp một khối lượng lớn hạt giống (300-350 kg hạt/năm) phục vụ nhu cầu trồng rừng trong Tổng công ty.

- Xây dựng được 20 vườn ươm cố định và 26 vườn ươm tạm thời, trong đó có 8 vườn giâm hom (công suất 4,2 triệu cây/năm), 01 phòng nuôi cấy mô tế bào (công suất 2,5- 3,0 triệu cây/năm), cung cấp đủ cây con cho trồng rừng trong Tổng công ty và phục vụ nhu cầu của các đơn vị, cá nhân trong vùng và cả nước.

- Hình thành hệ thống quản lý, sản xuất và cung ứng giống cho trồng rừng từ Tổng công ty đến các đơn vị trực thuộc, đảm bảo 100% giống chất lượng và có xuất xứ nguồn gốc rõ ràng đưa vào sản xuất.

- Công tác nghiên cứu đã tập trung vào khảo nghiệm loài, xuất xứ, chọn lọc cây trội, khảo nghiệm hậu thế, khảo nghiệm dòng vô tính; lai tạo giống mới; nhân giống sinh dưỡng (giâm hom và nuôi cấy mô); chọn giống, bảo tồn và khai thác phát triển nguồn gen cây NLG; chế biến và bảo quản hạt giống. Kết quả đã tạo và đưa vào sản xuất 11 giống bạch đàn *Eucalyptus urophylla* vô tính (PN2, PN14, PN3d, PN10, PN46, PN47, PN54, PN116, PN21, PN24, PN108) 3 dòng keo lai (KL2, KL20, KTTA3) và 2 xuất xứ keo tai tượng (SW Cairns và Bloomfield).

- Sản xuất cây giống ở các công ty, đơn vị đều được sử dụng nguồn vật liệu có xuất xứ nguồn gốc và chất lượng đảm bảo. Đặc biệt công nghệ nhân giống bằng nuôi cấy mô tế bào của một số dòng bạch đàn cao sản của Viện nghiên cứu cây NLG đã giúp năng suất rừng tăng từ 1,5-2 lần so với giống đại trà. (số liệu tổng hợp khai thác phòng lâm sinh tổng công ty năm 2007)

- Nhận thức của các công ty lâm nghiệp, người lao động về tầm quan trọng của giống đối với hiệu quả SXKD trồng rừng NLG đã được coi trọng.

- Sản xuất cây giống ở các công ty đơn vị cơ bản đã thực hiện tốt quy trình, định mức và tiêu chuẩn cây xuất vườn. Các cán bộ kỹ thuật, công nhân

sản xuất được đào tạo và có chuyên môn kinh nghiệm trong chỉ đạo, giám sát và tổ chức sản xuất cây giống.

- Công tác quản lý giống tương đối bài bản, chặt chẽ từ Tổng công ty đến các công ty lâm nghiệp. Việc thực hiện các văn bản quản lý và sản xuất giống, trong đó quan trọng nhất là Pháp lệnh giống cây trồng (2004) và Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp (2005). Các đơn vị sản xuất đã quản lý chặt khâu giống, bảo đảm đưa > 85% cây giống đạt tiêu chuẩn vào trồng rừng (phụ biểu 06).

- Cơ chế khoán, quản trong sản xuất cây giống đã được thực hiện 100% ở các công ty, đơn vị, đảm bảo được quyền lợi hài hoà giữa người lao động và doanh nghiệp, nâng cao tinh thần trách nhiệm của các bên, giải quyết được một phần công ăn việc làm cho người lao động.

- Rừng trồng NLG ở các công ty lâm nghiệp do sử dụng giống tốt, kết hợp với các biện pháp thâm canh, quản lý bảo vệ đến nay đã cho hiệu quả rõ rệt. SXKD ở các công ty lâm nghiệp đã có lãi, đời sống CBCNV được cải thiện và thu nhập ổn định.

- Hợp tác quốc tế đã được đẩy mạnh, tiếp cận với các phương pháp nghiên cứu và sản xuất giống của các nước trong khu vực; nâng cao trình độ cán bộ; tăng nguồn vốn đầu tư và thiết bị; tạo nguồn giống phong phú để khảo nghiệm và chọn giống.

Những kết quả trên đây đã đóng góp đáng kể vào tăng năng suất, hiệu quả trồng rừng, đưa năng suất rừng trồng NLG bình quân hiện nay khoảng 15 m³/ha/năm, nhiều khu rừng thí nghiệm đạt trên 30 m³/ha/năm.

2.2.4.2. Những tồn tại

- Hệ thống cơ sở hạ tầng, phục vụ công tác sản xuất như vườn ươm, nhà nuôi cây mô... đã được đầu tư nhưng chưa tương xứng với yêu cầu và nhu cầu thực tế hiện nay. Nhiều công ty lâm nghiệp vườn ươm phục vụ sản xuất giống xuống cấp chưa được đầu tư sửa chữa và làm mới, sản xuất dàn trải, thậm chí có đơn vị sản xuất cây giống chủ yếu các vườn ươm tạm thời không đảm bảo yêu cầu (Công ty lâm nghiệp A Mai, Ngòi Sào, Yên Lập)

- Hệ thống nguồn cung cấp giống còn thiếu về số lượng, chủng loại. Chất lượng giống chưa cao, chủ yếu là rừng giống chuyển hóa keo tai tượng. Hệ thống nguồn vật liệu sinh dưỡng, vườn cấp hom tại các công ty, đơn vị còn ít về số lượng và chủng loại. Do vậy, số lượng cây con được sản xuất

bằng phương pháp nhân giống sinh dưỡng rất hạn chế chủ yếu là keo lai và một số dòng bạch đàn thông dụng như PN2, U6...

- Tổ chức cung ứng nguồn giống của Tổng công ty vẫn chưa tận dụng hết khả năng nội tại mà chủ yếu nhập hạt để phục vụ sản xuất, dẫn đến giá thành cao, thủ tục nhập phức tạp và đặc biệt nguồn cung không ổn định. Khả năng điều phối, hợp tác trong sản xuất giống giữa các đơn vị trong Tổng công ty chưa chặt chẽ, gây lãng phí và chưa phát huy sức mạnh nội tại.

- Thiếu những chính sách, cơ chế khuyến khích để tạo ra giống mới cũng như đưa giống mới vào sản xuất và huy động mọi thành phần kinh tế tham gia xây dựng, phát triển giống cây NLG.

- Tổ chức sản xuất cây giống mang tính mùa vụ, công việc chỉ tập trung trong vòng 4-5 tháng/năm, khối lượng sản xuất hạn chế. Do vậy, người lao động thiếu việc làm, thu nhập không đảm bảo nên chưa thực sự yên tâm công tác.

- Một số dòng bạch đàn, keo lai có năng suất chất lượng cao, xong công nghệ nhân giống bằng nuôi cấy mô và giâm hom chưa hoàn thiện dẫn đến số lượng cây giống sản xuất hạn chế, giá thành cao nên chưa thể đưa vào trồng rừng xuất đại trà.

- Quản lý giống của một số đơn vị như việc thực hiện chuỗi hành trình giống từ nguồn giống đến sản xuất cung ứng giống thực hiện chưa đầy đủ như việc ghi nhật ký theo dõi lịch trình sản xuất giống và các thủ tục liên quan khác.

- Quá trình quản lý giám sát, kiểm tra định kỳ về tiến độ và chất lượng cây giống đưa vào trồng rừng của Tổng công ty đối với các công ty lâm nghiệp, đơn vị vẫn còn hạn chế, do địa bàn rộng khối lượng lớn, trong khi nhân lực còn thiếu.

- Việc đào tạo, tập huấn kiến thức cho cán bộ, công nhân sản xuất giống tại các công ty lâm nghiệp không thường xuyên, dẫn tới cán bộ phụ trách và công nhân sản xuất giống ở một số đơn vị thiếu kiến thức trong công tác quản lý và sản xuất giống. Đối với đơn vị nghiên cứu thiếu cán bộ có chuyên môn sâu về công tác giống đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ sinh học phục vụ nhu cầu nhân giống để phát triển giống mới.

- Công tác quảng bá, giới thiệu giống mới để đưa vào sản xuất đại trà cho các tổ chức, cá nhân trong vùng và cả nước còn chưa thiết thực.

*** Nguyên nhân:**

Nguyên nhân khách quan :

Cây NLG có chu kỳ kinh doanh dài, giống, dòng sử dụng trong trồng rừng nhiều lại luôn thay đổi theo thị trường; chất lượng hạt giống và cây con, đặc biệt là chất lượng di truyền khó kiểm tra. Vì vậy, công tác quản lý và sản xuất cung ứng giống gặp rất nhiều khó khăn. Các hoạt động SXKD, cung ứng giống lâm nghiệp diễn ra trên một phạm vi rộng, ở nhiều tỉnh, nhiều khu vực, nhiều công ty, đơn vị do vậy kiểm soát các hoạt động để nâng cao chất lượng giống gặp nhiều khó khăn.

Nguyên nhân chủ quan:

- Chưa có định hướng, chính sách cụ thể, nhất quán về quản lý nguồn giống, cung ứng giống trong Tổng công ty phục vụ SXKD trồng rừng NLG.

- Thiếu quy hoạch xây dựng mạng lưới sản xuất nguồn giống, cơ sở vật chất phục vụ sản xuất giống chất lượng cao, dẫn đến tình trạng lúc thừa, lúc thiếu phải nhập nguồn giống. Chưa có sự gắn kết chặt chẽ và điều phối cây giống giữa các đơn vị trong Tổng công ty.

- Một số giống, dòng mới có năng suất cao, dễ sản xuất nhưng trong quá trình nghiên cứu chưa dự tính hết các yếu tố bất lợi của thiên nhiên, do vậy khi đưa vào trồng rừng thường bị dịch sâu bệnh hại hoặc gãy đổ do bão lốc nên SXKD trồng rừng không ổn định gây thiệt hại lớn về kinh tế.

- Chưa có sự đầu tư tương xứng cho công tác nghiên cứu và khảo nghiệm, nhập nội giống mới nên lâu có giống tốt để đưa vào sản xuất, trong khi một số giống chủ lực đang có biểu hiện thoái hoá.

- Những chính sách và các văn bản trong việc quản lý, sản xuất và sử dụng giống chưa hoàn thiện. Các cơ quan chức năng quản lý về giống ở các tỉnh công ty, đơn vị đóng trên địa bàn, thực hiện chưa nghiêm. Do vậy, hiệu lực thực thi không cao, dẫn đến cạnh tranh không lành mạnh giữa các tổ chức, cá nhân, sản xuất giống trên địa bàn với các đơn vị trong Tổng công ty, đặc biệt đối với các công ty, đơn vị nghiên cứu chọn tạo giống mới và SXKD cây giống.

- Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, máy móc trang thiết bị phòng nghiên cứu chưa đầy đủ, các công trình phục vụ sản xuất cây giống (Nhà giam hom) đầu tư dàn trải không tập trung, không đúng trọng tâm, dẫn đến việc khai thác chưa hiệu quả các công trình .

2.2.4.3 Thuận lợi và khó khăn trong quản lý và sản xuất giống cây NLG

*** Thuận lợi:**

- Chiến lược ngành giấy đến 2010 tầm nhìn 2020 và Dự án mở rộng nhà máy giấy Bãi Bằng giai đoạn II, đưa tổng công suất lên 320.000/tấn bột giấy/năm đã được Chính phủ phê duyệt trong đó có phát triển vùng nguyên liệu nhằm đáp ứng đủ sản xuất 600.000 tấn bột giấy vào năm 2010 và 1.800.000 tấn vào năm 2020.

- Chiến lược lâm nghiệp quốc gia đã được xây dựng, triển khai và bổ sung cho giai đoạn tới (2006-2020). Các mục tiêu, định hướng phát triển ngành được đề xuất, làm cơ sở cho việc xây dựng, phát triển ngành giống nhằm phục vụ kịp thời cho các chương trình trồng rừng.

- Chiến lược giống lâm nghiệp giai đoạn 2006-2020 đã được phê duyệt từ 16/8/2006.

- Pháp lệnh giống cây trồng đã được ban hành cùng với các văn bản pháp qui của Nhà nước được triển khai thực hiện từ Trung ương đến địa phương sẽ dần dần đưa các hoạt động sản xuất, cung ứng giống vào nề nếp. Dựa trên nội dung của Pháp lệnh giống cây trồng, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành và triển khai thực hiện Quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp, trong đó trọng tâm là thực hiện quản lý chuỗi hành trình giống cây trồng lâm nghiệp .

- Tổng công ty đang quản lý 01 Viện có bề dày trong công tác nghiên cứu, chọn tạo giống cây NLG, với đội ngũ CBCNV có kiến thức, kinh nghiệm trong công tác giống.

- Những kết quả đạt được trong thời gian qua về nghiên cứu chọn, tạo giống cây NLG; áp dụng công nghệ cao (mô, hom) vào sản xuất, tăng cường cơ sở vật chất, xây dựng cơ chế chính sách là những cơ sở quan trọng cho phát triển công tác quản lý và sản xuất giống cây NLG .

- Hệ thống tổ chức quản lý và sản xuất giống đã được hình thành với đội ngũ cán bộ có nhiều kinh nghiệm. Cơ sở vật chất trong nghiên cứu và sản xuất đã được hình thành và đi vào hoạt động trong nhiều năm tương đối ổn định.

- Ngành giấy nói chung và giống cây NLG nói riêng được nhiều tổ chức trong và ngoài nước quan tâm “Dự án giống cây trồng vật nuôi giai đoạn 2005-2010” “Chương trình hỗ trợ ngành lâm nghiệp và đối tác” và DANIDA

(Đan Mạch), CSIRO (Australia), các công ty của Nhật Bản, Đài Loan và Trung Quốc... muốn liên doanh hợp tác.

- Hệ thống quản lý và tổ chức sản xuất giống trong Tổng công ty được triển khai thực hiện trong nhiều năm, mạng lưới cơ sở vật chất phục vụ sản xuất cây giống cơ bản được hình thành từ Tổng công ty đến các đơn vị thành viên. Đội ngũ cán bộ, công nhân có nhiều kinh nghiệm trong nghiên cứu và sản xuất giống.

- Nhận thức về vai trò của giống đối với hiệu quả trong SXKD trồng rừng NLG được lãnh đạo đến CBCNV trong từng công ty, đơn vị lâm nghiệp coi trọng.

- Các Dự án trồng rừng của Chính phủ, các công ty liên doanh liên kết, các doanh nghiệp tư nhân, cơ sở trồng rừng sản xuất, hộ gia đình v.v... luôn mong muốn nhận được giống tốt để trồng rừng đạt năng suất và chất lượng cao.

*** *Khó khăn***

- Nâng cao năng suất, hiệu quả của SXKD trồng rừng NLG để tăng sức cạnh tranh của sản phẩm trong sản xuất giấy là một đòi hỏi cấp bách của Tổng công ty Giấy Việt Nam. Trong đó, giống đóng vai trò then chốt, song hiện trạng công tác giống cây NLG còn nhiều hạn chế, bất cập. Đây là một khó khăn, thách thức lớn đối với công tác phát triển giống.

- Các công ty lâm nghiệp, Viện nghiên cứu chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực lâm nghiệp do vậy năng lực về tài chính hạn hẹp nên thiếu kinh phí để xây dựng các nguồn giống chất lượng cao và đầu tư chiều sâu cơ sở vật chất như vườn ươm, nhà nuôi cấy mô để phục vụ sản xuất cây giống bị hạn chế.

- Thời gian xây dựng các nguồn giống cây NLG được cải thiện, có chất lượng cao để đưa vào phục vụ trồng rừng thường rất dài, trong khi sản xuất lại yêu cầu phải có ngay giống tốt đáp ứng nhu cầu trồng rừng trước mắt.

- Trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ công tác giống (cả trong nghiên cứu, lẫn sản xuất), tuy đã được cải thiện, nhưng còn thiếu và lạc hậu, không đáp ứng yêu cầu trong nghiên cứu và sản xuất giống..

- Vấn đề bảo hộ của nhà nước về bản quyền giống mới chưa phát huy hiệu quả, dẫn đến sản xuất cây giống của các đơn vị lâm nghiệp, đặc biệt là Viện nghiên cứu cây NLG trong Tổng công ty bị các cơ sở sản xuất cây giống

tư nhân, hộ gia đình cạnh tranh không lạnh mạnh, gây thiệt hại cho các đơn vị.

- Đội ngũ cán bộ trực tiếp làm công tác giống tại các công ty, đơn vị còn thiếu về số lượng và yếu về chất lượng.

2.2.5 Các giải pháp phát triển công tác Quản lý và sản xuất giống.

2.2.5.1 Một số cơ sở đề xuất giải pháp phát triển công tác quản lý và sản xuất giống.

Để đề xuất được các giải pháp phát triển công tác quản lý, sản xuất giống trong Tổng công ty giấy Việt Nam tại vùng Trung tâm Bắc Bộ vừa mang tính khoa học, thực tiễn và có tính chiến lược lâu dài. Đề tài đã thực hiện theo nhiều cánh tiếp cận khác nhau:

- Nghiên cứu đánh giá thực trạng của quản lý và sản xuất giống tại các công ty, đơn vị vùng Trung tâm thuộc Tổng công ty, xác định được hiện trạng, các yếu tố khó khăn, thuận lợi và cơ hội phát triển;

- Nhu cầu nguyên liệu theo chiến lược ngành giấy đã được Bộ Công Thương Phê duyệt theo quyết định số 07/2007/QĐ-BCT ngày 30/01/2007

- Dự án mở rộng nhà máy giấy Bãi Bằng giai đoạn II đi vào hoạt động, đưa công suất sản xuất bột giấy tại Bãi Bằng lên 320.000 tấn/năm, do đó nhu cầu nguyên liệu cần khoảng 1,2 triệu tấn/năm.

- Chiến lược ngành lâm nghiệp (Quyết định số 199/QĐ-BNN-PTLN ngày 22/1/2002); chiến lược giống lâm nghiệp (Quyết định số 62/2006/QĐ-BNN ngày 16/8/2006). Các văn bản liên quan đến xây dựng rừng giống, vườn giống, cây đầu dòng, vườn cấp dòng, tiêu chuẩn ngành, pháp lệnh giống cây trồng, quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp....

- Kế hoạch trồng rừng SXKD gỗ nguyên liệu giấy từ 2008-2015 của các công ty lâm nghiệp vùng trung tâm thuộc Tổng công ty, đã được Tổng công ty Giấy Việt Nam đã phê duyệt.

Từ những căn cứ trên, đề tài đề xuất các giải pháp nhằm phát triển công tác quản lý và sản xuất giống như sau:

2.2.5.2 Giải pháp quản lý sản xuất giống

**** Về hệ thống văn bản quản lý.***

- Tiến hành rà soát lại toàn bộ các văn bản có liên quan đến quản lý, hướng dẫn kỹ thuật, quy trình, định mức... về công tác quản lý và sản xuất

giống để bãi bỏ hoặc điều chỉnh những văn bản không còn phù hợp; bổ sung, hoàn thiện những văn bản chưa hoàn chỉnh, xây dựng mới những văn bản còn thiếu nhằm bảo đảm có một hệ thống văn bản đầy đủ, đồng bộ và đạt yêu cầu cho công tác quản lý giống cây NLG trong Tổng công ty.

- Triển khai thực hiện nghiêm túc quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp trên toàn bộ các công ty, đơn vị sản xuất giống nhằm đảm bảo quản lý chất lượng di truyền của giống cây NLG trước khi trồng rừng.

*** Tổ chức thực hiện.**

Công tác tổ chức thực hiện quản lý sản xuất và cung ứng giống cây NLG cần được phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các đơn vị, tổ chức liên quan:

- Sự phối hợp giữa Tổng công ty với Sở NN&PTNT các tỉnh có các công ty LN, đơn vị đóng trên địa bàn.

+ Chịu trách nhiệm về việc quản lý, kiểm tra, giám sát quá trình sản xuất, cung ứng giống của các đơn vị theo định kỳ và đặc biệt là chất lượng cây giống trước khi trồng rừng; Quy hoạch hệ thống nguồn giống và vườn ươm quy mô phù hợp với nhu cầu sử dụng nội tại và công tác dịch vụ cho nhu cầu trong khu vực của từng đơn vị; Chỉ đạo các đơn vị xây dựng kế hoạch sản xuất cây giống, điều phối các hoạt động sản xuất và cung ứng giống; Hướng dẫn quản lý và cập nhật hồ sơ nguồn giống, cây giống sản xuất hàng năm (rừng giống, vườn giống, vườn cây đầu dòng, vườn ươm) và hướng dẫn thực hiện theo các thủ tục hành chính trong quản lý nguồn giống.

+ Quản lý nguồn giống để điều phối cho các công ty, đơn vị và chịu trách nhiệm về chất lượng nguồn giống đưa vào sản xuất. Điều phối cây giống giữa các đơn vị nhằm sử dụng có hiệu quả nguồn giống sản xuất ra, tiết kiệm chi phí.

+ Xây dựng cơ chế và giao cho đơn vị có chuyên môn sâu chịu trách nhiệm nghiên cứu chọn tạo và sản xuất giống (Viện nghiên cứu cây NLG), nhập các giống mới và công nghệ nhân giống để phục vụ sản xuất. Phối hợp với các Công ty lâm nghiệp đào tạo, tập huấn cho cán bộ quản lý, người trực tiếp sản xuất giống nắm được kiến thức cơ bản về sử dụng giống và kỹ thuật sản xuất giống.

+ Thành lập Hội đồng khoa học kỹ thuật giống để đánh giá tiêu chuẩn chất lượng cây giống hàng năm của các công ty, đơn vị sản xuất.

- Các Công ty, đơn vị trực tiếp sản xuất giống.

+ Tổ chức sản xuất theo kế hoạch, chịu trách nhiệm quản lý, kiểm tra, giám sát chặt chẽ quá trình sản xuất cây giống theo đúng quy trình kỹ thuật và quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp.

+ Xây dựng định mức sản xuất và cơ chế giao khoán cho các phòng ban, đội sản xuất, CBCNV trong đơn vị trong sản xuất và tiêu thụ cây giống theo cơ chế thị trường trên quan điểm ưu tiên phục vụ nhu cầu cây giống cho kế hoạch trồng rừng của công ty, đơn vị.

+ Xây dựng phương án phòng trừ sâu bệnh đối với cây giống, đặc biệt trong trường hợp xảy ra dịch sâu bệnh hại.

+ Xây dựng, tổ chức thực hiện các dự án điều tra, tuyển chọn và xây dựng các nguồn giống mới có chất lượng cao, để có thể kịp thời đưa vào sử dụng phục vụ sản xuất.

+ Tiến hành thu hái, bảo quản hạt giống, sản xuất cây con cung cấp cho các đơn vị trồng rừng. Kiểm nghiệm phẩm chất hạt giống theo đúng tiêu chuẩn ngành 04-TCN-33-2001, lập hồ sơ và phiếu kiểm nghiệm cho các lô hạt giống.

2.2.5.3. Giải pháp về nguồn lực phục vụ công tác sản xuất giống

a. Giải pháp về vật lực

**** Nhà nuôi cấy mô tế bào.***

Với cơ sở vật chất trang thiết bị của nhà nuôi cấy mô của Viện nghiên cứu cây NLG hiện nay công suất sản xuất tối đa chỉ đạt 2,5 triệu cây giống/năm không đủ cung cấp cây đầu dòng, cây giống cho nhu cầu trồng rừng trong vùng Trung tâm. Trong khi nhu cầu cây giống keo lai, keo tai tượng, bạch đàn sản xuất theo phương pháp này hiện nay là rất lớn, chỉ riêng bạch đàn có thể tiêu thụ 6-7 triệu cây/năm. Vậy cần đầu tư xây mới và mở rộng nhà nuôi cấy mô tế bào, mua sắm trang thiết bị máy móc, đào tạo cán bộ công nhân để nâng công suất trong sản xuất cây giống bạch đàn, keo lai, keo tai tượng theo quy mô công nghiệp, cung cấp cây đầu dòng, cây con có chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu cây giống cho các công ty lâm nghiệp trong Tổng công ty và các địa phương trong vùng và cả nước.

****Xây dựng rừng, vườn giống :***

Tổ chức điều tra đánh giá lại hệ thống rừng giống, vườn giống hiện có về sản lượng, chất lượng hạt giống, tình hình sinh trưởng, sâu bệnh hại và thời gian sử dụng, nếu vẫn đáp ứng được yêu cầu sử dụng cần tiếp tục đầu tư

và đề nghị Bộ NN&PTNT, Sở nông nghiệp &PTNT các tỉnh thẩm định cấp chứng chỉ công nhận rừng giống, vườn giống theo quy định. Nếu không đạt tiêu chuẩn giống, cần phải thanh lý.

Xây dựng mới hệ thống rừng giống, vườn giống keo tai tượng, bạch đàn có phẩm chất di truyền cao theo quy phạm kỹ thuật xây dựng rừng giống, vườn giống hiện hành của Bộ NN&PTNT (Quy phạm ngành 15-93). Cụ thể:

- + Xây dựng mới 6-8 ha vườn giống keo tai tượng, 3-4 ha vườn giống bạch đàn có chất lượng di truyền cao bằng phương pháp trồng từ hạt của nhiều gia đình tốt và vườn giống bằng cây ghép với cành ghép được lấy từ những cây trội tuyển chọn và gốc ghép là những cây có sức chống chịu tốt về khí hậu, đất đai, sâu bệnh với mục đích tăng thu di truyền, sức sống mạnh, nhanh ra hoa kết quả, năng suất cao, dễ thu hái để giảm giá thành.

- + Xây dựng từ 30-50 ha rừng giống keo tai tượng bằng những nguồn hạt được thu hái của những gia đình tốt để thiết lập rừng giống, nhằm đảm bảo đến khi thu hái, mỗi năm cung cấp được 400-600 kg hạt có chất lượng cao để phục vụ nhu cầu trồng rừng trong Tổng công ty và đáp ứng nhu cầu của các tổ chức, cá nhân trong vùng và cả nước.

- + Xây dựng các loại vườn giống lưu động và ngân hàng dòng để bảo vệ và lưu giữ toàn các nguồn gen tốt của giống cây NLG để bảo vệ và cung cấp nguồn gen cho nghiên cứu và phục vụ sản xuất cây giống.

*** *Xây dựng hệ thống vườn cấp dòng.***

- Điều tra, đánh giá lại số lượng và chất lượng vườn cấp dòng hiện đang khai thác sử dụng, kiên quyết loại bỏ những vườn không đủ tiêu chuẩn và quá thời gian khai thác. Giao cho Viện nghiên cứu cây NLG, phối hợp với các công ty lâm nghiệp để xây dựng hệ thống vườn cấp dòng đảm bảo đúng quy định; như chọn cây mẹ cung cấp cây đầu dòng, kỹ thuật thiết lập, xây dựng hồ sơ quản lý nguồn giống, cấp chứng chỉ, kỹ thuật khai thác và sử dụng nguồn giống ..

- Với hiện trạng vườn cấp dòng như hiện nay, mới chỉ đáp ứng một phần nhỏ nhu cầu cây giống và chỉ tập trung ở một số đơn vị. Vậy Tổng công ty cần chỉ đạo các công ty lâm nghiệp căn cứ điều kiện đất đai, địa hình ... cân đối kế hoạch trồng rừng hàng năm, bố trí diện tích phù hợp cho trồng rừng bằng nhiều dòng cây vô tính phù hợp, nhằm khai thác ưu điểm của rừng trồng từ cây giống này đem lại và tránh rủi ro do chỉ trồng thuần loại khi xảy ra dịch sâu, bệnh hại.

- Bổ sung thêm các dòng keo lai và bạch đàn vào thiết lập vườn cấp dòng nhằm cung cấp cây giống đa dạng.

*** Xây dựng vườn ươm sản xuất giống.**

- Các công ty lâm nghiệp:

+ Từ thực trạng hệ thống vườn ươm hiện có ở các đơn vị, Tổng công ty, cần quy hoạch lại hệ thống vườn ươm của các công ty lâm nghiệp, trên cơ sở quỹ đất trồng rừng hàng năm, nhu cầu cây giống phục vụ trồng rừng và tiêu thụ trong vùng, bố trí địa điểm, quy mô, công suất, loài cây sản xuất, đảm bảo nguyên tắc đầu tư xây mới hoặc sửa chữa nâng cấp phải thuận lợi, hiệu quả và tiện dụng trong sản xuất, hạ giá thành sản xuất cây giống.

+ Cương quyết loại bỏ không đưa vào sử dụng các vườn ươm tạm thời, không đạt tiêu chuẩn sản xuất (công ty lâm nghiệp Ngòi Sảo, A Mai, Xuân Đài, Yên Lập), giảm thiểu việc sản xuất cây giống dàn trải trên nhiều địa điểm tại một công ty, do cơ sở vật chất, nguồn nước, địa điểm sản xuất không đảm bảo yêu cầu, dễ nảy sinh dịch bệnh và khó kiểm soát chất lượng cây giống.

+ Xác định, ưu tiên đầu tư một số vườn trọng điểm đại diện cho vùng và khu vực tại công ty LN Vĩnh Hảo, Hàm Yên, Đoan Hùng, Lập Thạch, Xuân Đài, Tam Sơn và Viện nghiên cứu cây NLG đảm bảo sản xuất cây giống theo quy mô công nghiệp phục vụ nhu cầu trong Tổng công ty và dịch vụ trong vùng.

- Viện nghiên cứu cây nguyên liệu giấy:

Là đơn vị đi đầu trong công tác nghiên cứu và sản xuất giống cây NLG, trong khi với hệ thống vườn ươm hiện có mỗi năm chỉ sản xuất được 2,0 - 2,5 triệu cây giống các loại. Do vậy, hệ thống vườn ươm cần được mở rộng và hiện đại hoá theo quy mô công nghiệp để mỗi năm có thể sản xuất từ 6-8 triệu cây giống phục vụ cho các công ty, đơn vị trong vùng và cả nước. Ngoài ra Viện cần được đầu tư để tổ chức nghiên cứu và sản xuất thử nghiệm các giống mới, giống trọng điểm cho trồng rừng, nhằm hoàn thiện công nghệ, hạ giá thành sản phẩm để đưa vào sản xuất đại trà và đào tạo, chuyển giao công nghệ cho các công ty, đơn vị trong Tổng công ty.

b. Giải pháp nhân lực.

- Đối với công tác nghiên cứu chọn tạo, nhân giống mới và sản xuất thử nghiệm: Từ nay đến năm 2015 cần đào tạo, tuyển dụng được 2-3 tiến sĩ và 4-6

thạc sĩ về chuyên ngành di truyền, cải thiện giống, công nghệ sinh học để phục vụ nghiên cứu và tổ chức sản xuất thử nghiệm.

- Đối với sản xuất: Tổ chức các lớp tập huấn ngắn hạn cho cán bộ làm công tác quản lý và sản xuất giống đã có trình độ kỹ sư ở các công ty, nhằm bổ sung kiến thức, quy định trong lĩnh vực quản lý, kỹ thuật sản xuất giống, gắn học lý thuyết với thực hành thực tế tại hiện trường.

- Đào tạo đội ngũ kỹ thuật viên, công nhân lành nghề của các công ty lâm nghiệp, Viện nghiên cứu về nuôi cấy mô và giâm hom, quy trình sản xuất cây giống mô, hom, cây giống từ hạt, phòng trừ sâu bệnh hại vườn ươm, kỹ thuật xây dựng các loại nguồn giống; thu hái, chế biến, bảo quản và kiểm nghiệm hạt giống v.v.

- Tại các công ty lâm nghiệp phải có cán bộ có trình độ kỹ sư lâm sinh làm chuyên trách về quản lý và sản xuất giống, không để kiêm nhiệm như hiện nay.

2.2.5.4 Giải pháp đầu tư và huy động nguồn vốn.

Để đảm bảo thực hiện được mục tiêu, quản lý và sản xuất giống cây NLG trong giai đoạn tới mang tính khả thi và đem lại hiệu quả thì các giải pháp đầu tư tín dụng và huy động vốn cần được thực hiện.

** Nguồn vốn của Tổng công ty:* Được ưu tiên đầu tư vào các công việc sau:

- Đầu tư cho Viện nghiên cứu cây NLG, nhập nội nguồn giống mới có triển vọng để khảo nghiệm và tiếp nhận công nghệ nhân giống một số giống mới có năng suất chất lượng cao để sản xuất theo quy mô công nghiệp phục vụ trồng rừng đại trà.

- Đầu tư tăng cường năng lực nghiên cứu và sản xuất giống mới như: Cơ sở vật chất trang thiết bị, máy móc cho việc ứng dụng công nghệ sinh học hiện đại vào chọn tạo, sản xuất và bảo quản giống.

- Đầu tư xây dựng hệ thống nguồn giống (rừng giống, vườn giống, vườn vật liệu nhân giống). Đăng ký, rà soát hiện trạng, chất lượng nguồn giống hiện có; cải tạo nâng cấp nguồn giống và tuyển chọn nguồn giống mới, tuyển chọn cây trội (cây mẹ).

- Đầu tư và hỗ trợ đầu tư sửa chữa, nâng cấp, xây mới cho hệ thống các vườn ươm của các công ty lâm nghiệp, đặc biệt các công ty có hệ thống vườn ươm xuống cấp hoặc chưa có vườn cố ươm định, với quy mô phù hợp nhu

cầu sử dụng nội tại và dịch vụ, tránh hiện tượng đầu tư không tương xứng giữa nhu cầu sản xuất với quy mô của công trình gây lãng phí, kém hiệu quả.

- Hỗ trợ kinh phí cho việc chuyển giao kỹ thuật, đào tạo kỹ năng quản lý và sản xuất cho các cán bộ, kỹ thuật viên, công nhân về kỹ thuật sản xuất giống mới.

** Nguồn vốn các công ty lâm nghiệp, Viện:* Thực tế hiện nay, các công ty lâm nghiệp vùng Trung tâm đều là các đơn vị hạch toán phụ thuộc. Do vậy, nguồn khấu hao được quản lý tập trung về Tổng công ty và do Tổng công ty điều phối cho các đơn vị, nên việc đầu tư sửa chữa, xây mới các công trình phục vụ sản xuất giống của đơn vị không thể chủ động. Tổng công ty cần có cơ chế, chính sách để các công ty, được sử dụng nguồn khấu hao hoặc được hạch toán vào giá thành sản phẩm để đầu tư cơ sở vật chất phục vụ sản xuất giống, như sửa chữa nâng cấp, xây mới vườn ươm, tạo mới rừng giống, vườn giống, vườn cấp dòng phục vụ sản xuất giống.

** Nguồn vốn từ các chương trình, dự án, tổ chức khác.*

Các Công ty lâm nghiệp, đặc biệt là Viện nghiên cứu cây NLG cần tranh thủ các chương trình, dự án của nhà nước, các tổ chức trong, ngoài nước để huy động đưa vào khai thác sử dụng.

- Nguồn vốn từ dự án mở rộng nhà máy giấy Bãi Bằng giai đoạn 2, trong đó có phần kinh phí cho việc nghiên cứu, sản xuất giống cây NLG và đào tạo khuyến lâm.

- *Chương trình giống quốc gia giai đoạn 2006-2010, dự án 661:* Ngoài vốn đầu tư cho nghiên cứu cơ bản và ứng dụng, nhằm nâng cao nhanh trình độ và hiệu quả về công tác giống; lưu giữ nguồn gen, xây dựng các khu rừng thí nghiệm, vườn thực vật; sản xuất giống gốc; nhập nội nguồn gen và những giống mới có triển vọng cho nhu cầu trồng rừng; chương trình còn đầu tư kinh phí cho các nội dung liên quan đến sản xuất giống như: Xây dựng hệ thống nguồn giống (rừng giống, vườn giống, vườn vật liệu nhân giống ...) hệ thống vườn ươm có công nghệ hiện đại sản xuất theo quy mô công nghiệp; Thiết lập và duy trì hoạt động mạng lưới giống cây lâm nghiệp; Tập huấn kỹ thuật sản xuất giống mới; Đào tạo mới, đào tạo lại đội ngũ cán bộ làm công tác giống về quản lý, kỹ thuật; Xây dựng các cơ chế chính sách; Đẩy mạnh công tác khuyến lâm, nhằm khuyến khích sử dụng và phát triển giống mới, giống có chất lượng cao trong sản xuất.

2.2.5.5 Giải pháp về đất đai

- Tổng công ty cần có giải pháp ưu tiên, giành quỹ đất phù hợp ở các Công ty lâm nghiệp cho nghiên cứu khảo nghiệm, xây dựng nguồn giống, trồng rừng thử nghiệm, trồng rừng mô hình.

- Hoàn thiện thủ tục và xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các công ty lâm nghiệp Hàm Yên, Tân Thành, Tân Phong và Trung tâm NC&TN cây NLG Hàm Yên thuộc Viện Nghiên cứu cây NLG để tạo điều kiện cho các đơn vị tổ chức SXKD trồng rừng và nghiên cứu thử nghiệm, sản xuất trong công tác giống.

2.2.5.6. Giải pháp về khoa học công nghệ

Tổng công ty xây dựng trang Web và thiết lập hệ thống mạng nội bộ từ Tổng công ty đến các đơn vị trực thuộc để thường xuyên cập nhật thông tin về quản lý và sản xuất giống. Đầu tư cho Viện nghiên cứu cây NLG trang thiết bị nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm và sản xuất cây giống bằng công nghệ sinh học với quy mô công nghiệp đồng bộ. Đào tạo đủ đội ngũ cán bộ quản lý, nghiên cứu và sản xuất có trình độ chuyên sâu thành thạo.

Nghiên cứu, cải thiện di truyền và ứng dụng công nghệ sinh học vào chọn tạo và nhân giống một số loài cây NLG chủ lực, nhằm nâng cao năng suất và tính chống chịu. Gắn kết chặt chẽ mối quan hệ giữa Viện nghiên cứu với các ông ty lâm nghiệp về việc chọn tạo, sản xuất, phát triển giống mới để các công ty đưa vào sản xuất..

Trong phạm vi hoạt động của Tổng công ty Giấy Việt Nam, cần hình thành nhóm chuyên gia chuyên theo dõi về lĩnh vực giống, bao gồm các nhà quản lý, nhà nghiên cứu để đánh giá, tư vấn cho công tác quản lý và sản xuất giống cây NLG.

2.2.7.7 Giải pháp về hợp tác trong nước và quốc tế .

**** Trong nước:***

- Tăng cường mối quan hệ hợp tác giữa các đơn vị trong Tổng công ty, đặc biệt giữa các công ty lâm nghiệp với Viện nghiên cứu cây NLG trong lĩnh vực quản lý, nghiên cứu, xây dựng nguồn giống và sản xuất giống.

- Hợp tác với Viện khoa học lâm nghiệp Việt Nam, Viện Di truyền Nông nghiệp...tranh thủ uy tín và mối quan hệ của các Viện với các tổ chức quốc tế có liên quan trong lĩnh vực giống cây lâm nghiệp để mở rộng hợp tác nghiên cứu.

- Hợp tác, chuyển giao, trao đổi với Trung tâm giống cây rừng viện Khoa học lâm nghiệp Việt Nam về việc phát triển giống mới để đưa các giống tốt của Trung tâm vào phục vụ sản xuất cây NLG.

- Hợp tác với Cục lâm nghiệp, công ty giống cây trồng lâm nghiệp Trung ương, Sở NN&PTNT các tỉnh trong lĩnh vực xây dựng qui chế quản lý chất lượng giống, hoàn thiện hệ thống quản lý chuỗi hành trình giống cây lâm nghiệp, tăng cường năng lực quản lý cũng như kỹ thuật cho đội ngũ cán bộ làm công tác giống.

*** Quốc tế**

- Mở rộng hợp tác với các tổ chức quốc tế, trên cơ sở thu hút các dự án, đề tài để hợp tác với các tổ chức quốc tế có chuyên môn sâu về giống cây lâm nghiệp như:

- + Tổ chức SIDA-SAREC về nghiên cứu, đào tạo cải thiện giống cây rừng và ứng dụng công nghệ sinh học mới vào chọn giống và nhân giống cây rừng.

- + CSIRO, ACIAR, AusAD về nghiên cứu cải thiện giống, bảo quản hạt giống và xây dựng rừng, vườn giống các loài cây có nguồn gốc từ Australia.

- + DANIDA về xây dựng các cơ sở sản xuất giống và bảo quản giống cây rừng.

- Phát triển quan hệ hợp tác với các tổ chức giống lâm nghiệp quốc tế, đặc biệt là các tổ chức giống lâm nghiệp tại các nước Châu Á như Thái Lan, Trung Quốc, Indonesia... là những nước có điều kiện tự nhiên tương đồng để thực hiện việc trao đổi kinh nghiệm, trao đổi vật liệu giống, xuất nhập dây truyền công nghệ và hợp tác nghiên cứu trên phạm vi rộng.

- Tranh thủ sự hỗ trợ từ Quỹ TFF, tổ chức FAO để xây dựng thể chế, chính sách giống và phát triển nguồn giống chất lượng cao.

PHẦN III: KẾT LUẬN, TỒN TẠI VÀ KIẾN NGHỊ

3.1 KẾT LUẬN

- Hiện trạng tổ chức quản lý và sản xuất giống trong Tổng công ty tại vùng Trung tâm đã hình thành hệ thống tương đối bài bản từ Tổng công ty đến các Công ty lâm nghiệp. Do vậy, việc triển khai công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo các đơn vị trong sản xuất cây giống tương đối thuận lợi.

- Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ công tác sản xuất giống như vườn ươm tại các công ty, đơn vị đều đã được xây dựng với tổng số 46 vườn (20 vườn cố định và 26 vườn tạm thời). Tuy nhiên, đa phần các vườn hiện nay đã xuống cấp, không được sửa chữa kịp thời. Nhiều đơn vị vẫn tổ chức sản xuất cây giống trên các vườn ươm tạm thời không đảm bảo các yêu cầu về cơ sở hạ tầng, nguồn nước tưới và phòng trừ dịch bệnh.

- Loài cây giống đang sản xuất phục vụ nhu cầu trồng rừng NLG, chủ yếu là cây con keo tai tượng, bạch đàn mô, hom, keo lai với tỷ lệ cây con đạt tiêu chuẩn xuất vườn đạt > 85%.(phụ biểu 06)

- Hệ thống vườn giống, rừng giống cung cấp nguồn vật liệu đã được xây dựng với diện tích 18,4 ha, nhưng chủ yếu là rừng giống chuyển hóa, do vậy phẩm chất di truyền chưa cao trong khi thời gian sử dụng tương đối lâu (15 năm) cần được thay thế bằng những vườn giống, rừng giống mới có chất lượng cao hơn.

- Hệ thống nhà nuôi cấy mô sản xuất cây con vô tính hoạt động tương đối hiệu quả, tuy nhiên do cơ sở vật chất, trang thiết bị còn hạn chế, nên khối lượng sản xuất chỉ đạt 2-2,5 triệu cây mầm/năm không đủ cung cấp nhu cầu thị trường. Hệ thống vườn vật liệu cung cấp hom cho sản xuất cây giống ở các công ty đơn vị còn ít về chủng loại cũng như số lượng, chủ yếu tập trung ở Viện nghiên cứu, Công ty lâm nghiệp Hàm Yên, Đoan Hùng, Tân Phong, Tam Thắng và sản xuất ra để tiêu thụ bên ngoài.

- Việc thực hiện quy chế quản lý giống cây trồng lâm nghiệp đã được Tổng công ty thực hiện nghiêm túc, bài bản và chặt chẽ. Tuy nhiên, các cơ quan quản lý như Sở NN&PTNT các tỉnh thực hiện còn chưa hiệu quả dẫn đến vấn đề cạnh tranh không lành mạnh giữa các cơ sở sản xuất cây giống tư nhân với các Công ty lâm nghiệp, Viện trong Tổng công ty.

- Nguồn nhân lực trong quản lý và sản xuất giống đa phần đều được đào tạo đúng chuyên môn từ các Công ty, đơn vị đến Tổng công ty. Tuy nhiên tại các công ty lâm nghiệp cán bộ chủ yếu làm công tác kiêm nhiệm, cán bộ

và công nhân sản xuất giống chưa được thường xuyên đào tạo tập huấn về quản lý và kỹ năng sản xuất cây giống. Nguồn nhân lực trong lĩnh vực sản xuất giống bằng công nghệ sinh học, nghiên cứu chọn tạo giống mới còn thiếu và yếu.

- Việc hợp tác trong công tác sản xuất giống và điều phối cây giống giữa các đơn vị trong Tổng công ty, đặc biệt giữa Viện nghiên cứu cây NLG với các công ty lâm nghiệp chưa chặt chẽ. Do vậy, chưa phát huy hết tiềm năng và thế mạnh nội lực.

- Hợp tác trong nước, quốc tế trong công tác giống cây NLG đã được Tổng công ty và một số đơn vị quan tâm nhưng còn rất hạn chế.

3.2 TỒN TẠI.

- Do lĩnh vực nghiên cứu của đề tài rộng, với nhiều lĩnh vực chuyên môn, quản lý cần được đề cập, trong khi việc thu thập thông tin hạn chế do địa bàn rộng, kinh phí hạn hẹp. Do vậy, việc đánh giá phân tích của đề tài chưa thể bao quát và đề cập hết vấn đề trong công tác quản lý và sản xuất giống trong Tổng công ty giấy Việt nam tại vùng Trung tâm.

3.3 KIẾN NGHỊ.

- Tổng công ty giấy Việt Nam cần đầu tư kinh phí cho Viện nghiên cứu cây NLG để nhập giống mới và công nghệ nhân giống hiện đại để sản xuất cây giống có chất lượng cao đưa vào trồng rừng.

- Tổng công ty giấy Việt Nam cần đầu tư kinh phí để các Công ty lâm nghiệp, Viện nghiên cứu sửa chữa nâng cấp và xây dựng mới hệ thống các vườn ươm, đặc biệt các vườn ươm đã xuống cấp không còn đủ tiêu chuẩn sản xuất cây giống. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất và trang thiết bị để mở rộng nhà nuôi cấy mô cho Viện nghiên cứu cây NLG để gia tăng chủng loại và số lượng cây giống có chất lượng đưa vào trồng rừng NLG.

- Tổng công ty giao cho Viện nghiên cứu cây NLG là đầu mối duy nhất thực hiện công tác nhập, quản lý, phân phối vật liệu giống, giống gốc, cây đầu dòng, thiết lập vườn, rừng giống, vườn vật liệu trong Tổng công ty.

- Cần có chính sách đãi ngộ thích đáng đối với cán bộ có trình độ cao trong công tác nghiên cứu và sản xuất giống./.

PHỤ BIỂU

Phụ biểu 01: THỐNG KÊ NGUỒN NHÂN LỰC PHỤC VỤ CÔNG TÁC QUẢN LÝ VÀ SẢN XUẤT GIỐNG

Đơn vị	Số lượng	Cán bộ quản lý, kỹ thuật								Sản xuất trực tiếp						
		Trình độ và chuyên môn						Chuyên trách	Bán chuyên trách	Số lượng	Trình độ				Biên chế	Hợp đồng
		Trên đại học	Đại học	Trung cấp	Công nhân	Lâm sinh	khác				Trên đại học	Đại học	Trung cấp	Công nhân		
Cầu Ham	1		1			1		1		4			4		4	
Ngòi Sào	1		1			1			1	9				9		9
Vĩnh Hào	2		2			2		1	1	7				7	7	0
Tân Thành	1		1			1		1		9			2	7	9	
Hàm Yên	1		1			1			1	5				5	5	0
Tân Phong	1		1			1			1	6			4		4	2
Đoan Hùng	1		1			1		1		4				4	4	0
Sông Thao	2		1	1		2			2							
Thanh Hoà	1		1			1		1		5				5		5
Yên Lập	5		3	1	1	4	1		5	5				5	5	0
A Mai	2			2		2		2		8			2		2	6
Tam Sơn	2		1	1		2		2		5				5	5	0
Xuân Đài	7		3	4		7			7	17		1	2	2	5	12
Tam Thắng	1		1	1				1		5				5	5	
Tam Thanh	1		1			1		1		3				3	3	0
Lập Thạch	1		1				1	1		11				11	11	
Viện N cứu	8	1	7			8		4	4	78			3	3	6	72
Trung tâm HY	6		5	1		5	1	2	4	3				3	1	2
Tổng	44	1	32	11	1	40	3	18	26	184		1	17	74	76	108

Phụ biểu 02: THỐNG KÊ CÁC CÔNG TRÌNH VƯỜN ƯƠM PHỤC VỤ SẢN XUẤT GIỐNG

Đơn vị	Vườn ươm cố định									Vườn ươm tạm thời						
	Số lượng	Diện tích (ha)			Công suất (1000)	Giá trị đầu tư (triệu)	TG đầu tư	Nguồn vốn	Loại cây SX	Số lượng	Diện tích (ha)	Công suất (1000)	Giá trị đầu tư (triệu)	TG đầu tư	Nguồn vốn	Loại cây SX
		Tổng	nhà giam	bể +bãi tập kết												
Cầu Ham	1	1.4	0.000	1.400	350	68.3		tự có	Am, Ah							
Ngôi Sáo	0	0.0	0.000	0.000						9	0.45	450				Am,Ah
Vĩnh Hảo	1	1.0	0.016	0.984	1000	76.2	2001	tcy	Am,Ah							
Tân Thành	1	0.3	0.000	0.300	1000				Am. Ah							
Hàm Yên	2	1.0	0.007	0.993	1,400	105.1	2000	tự có	Am. Ah							
Tân Phong	1	0.6	0.200	0.400	800	70.0	2008	Tự có	Am, Ah							
Đoan Hùng	2	0.2	0.028	0.172	1200	525.0	2004	Tcty	Am, Ah							
Sông Thao	1	0.3	0.000	0.300	300	26.7	2000	tự có	Am,Ah, Eu	2	0.2	200	10	2006	tự có	Am
Thanh Hoà	1	0.1	0.000	0.100	250	17.5	2004	tự có	Am							
Yên Lập	1	0.2	0.029	0.171	200	50.0	2001	tự có	Ah.AL	4	0.2	400	20	2008	tự có	Ah

A Mai	0	0.0	0.000	0.000						2	0.2	400	143.4		tự có	Am, Ah
Tam Sơn	1	0.4	0.030	0.370	800	412.6	2004	tcty	Am, Ah	3	0.7	1400	400	2000	tự có	Am, Ah
Xuân Đại	2	0.2	0.000	0.200	400	160.0		tự có		5	0.13	350	180		tự có	Am, Ah
Tam Thắng	1	0.5	0.060	0.440	1000	100.0		tự có	Am,Ah, Eu	1	0.1	200				Am,Ah
Tam Thanh	1	0.5	0.000	0.500	800	65.0	2008	tự có	Am,Eu							
Lập Thạch	1	0.8	0.018	0.782	1300	50.0	2001	tự có	Am, Ah, Eu							
Viện NC	2	1.4	0.119	1.281	3000	1,848.0		tcy								
Trung tâm	1	0.2	0.035	0.185	550	50.0	2000	tự có	Am, Ah							
	20	9.12	0.542	8.578	14350	3624.4	22031	0	0	26	0	3400	753.4	6014		

Phụ biểu 03: THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG CÂY GIỐNG CÁC ĐƠN VI ĐÃ SẢN XUẤT 2005-2009

Năm	Tổng	Loài cây							Tiêu thụ	Bán ngoài
		Keo hạt	Keo lai	Bạch đàn mô	Bạch đàn hom	Luồng	cây mầm mô BĐ	cây khác	phục vụ đơn vị	
2005	11781060	5281822	2721719	1314188	26000	11025	2426306	0	6378024	4745796
2006	11683881	6327171	1754323	1029397	253838	0	2068512	250640	6741975	4561706
2007	16147482	8710528	1286621	1315473	59560	0	4775300	0	8621091	7465391
2008	17784164	10302746	996402	1236650	140500	0	5107866	0	8032193	9700971
2009	16905960	9808933	632940	1306000	31787	0	5126300	0	7368173	9175787
Tổng Cộng	74302547	40431200	7392005	6201708	511685	11025	19504284	250640	37141456	35649651

Phụ biểu 04: HỆ THỐNG RỪNG GIỐNG, VƯỜN GIỐNG

Đơn vị	Rừng giống								Vườn giống								ghi chú
	Keo hạt				Bạch đàn				Keo hạt				Bạch đàn				
	Số lượng	Diện tích	nguồn gốc	SL hạt	Số lượng	Diện tích	Thế hệ	SL hạt	Số lượng	Diện tích	nguồn gốc	SL hạt	Số lượng	Diện tích	Nguồn gốc	SL hạt	
Cầu Ham	1	4.8	Rừng SX	250													có chứng chỉ
Viện NC	1	10.6	Rừng SX	150									1	3.0		5	có chứng chỉ
Viện NC		20.0	gia đình ưu trội														chưa có chứng chỉ
Viện NC									2	5.0	cành ghép cây trội						chưa có chứng chỉ
Viện NC									1	2.0	hạt cây trội						chưa có chứng chỉ
Viện NC													1	2.0	hạt cây trội		chưa có chứng chỉ
Viện NC													1	2.0	cành ghép cây trội		chưa có chứng chỉ

Phụ biểu 05: THỐNG KÊ HỆ THỐNG VƯỜN CẤP DÒNG PHỤC VỤ SẢN XUẤT GIỐNG

Đơn vị	Loài cây											
	Keo lai						Bạch đàn					
	Số lượng	Diện tích (ha)	Công suất (1000c)	Giá trị đầu tư (triệu)	Tgian đầu tư	Địa điểm lấy Gốc (dòng)	Số lượng	Diện tích (ha)	Công suất (1000 c)	Giá trị đầu tư (triệu)	Tgian đầu tư	Địa điểm lấy Giống gốc
Hàm Yên	1	0.3	300	17	2009	Viện (BV10, BV16, BV32)						
Tân Phong	1	0.3	300	30	2005	Viện (BV10, BV32)						
Đoan Hùng	2	0.2	300	20	2004	Ba vi (BV10)						
Tam Thắng	1	0.2	100	8	2007	Ba vi (BV10)						
Viện nghiên cứu	2	0.1	900	30	2005	BV10, BV32, KL2, KLTA3, KL20	1	0.15	900	22	2005	PN2, U6, PN3d
Trung tâm Hàm Yên	1	0.25	500	12	2007	Viện, ba vi						
cộng	8	1.35	2400	116.6	12037	0	1	0.15	900	22		

Phụ biểu 06: CƠ CHẾ QUẢN LÝ GIÁM SÁT TRONG SẢN XUẤT GIỐNG

Đơn vị	Nội dung									
	Nguồn vật liệu		Cơ chế quản lý		Phương pháp giám sát kiểm tra					
	Mua của tổng công ty	Mua ngoài tổng công ty	Khoán	Không khoán	Theo quy chế quản lý giống	Không theo quy chế ql giống	Chất lượng cây giống Trong SX			
							Tốt (%)	TB (%)	Kém (%)	Xuất vườn (%)
Cầu Ham	hạt giống		Nc&vt		có		30	55	15	85
Ngôi Sáo	hạt giống		Nc&vt		có		50	35	15	85
Vĩnh Hảo	Hạt giống		Nc&vt		có		70	20	10	90
Tân Thành	Hạt giống		Nc&vt		có		80	10	10	90
Hàm Yên	hạt giống		Nc&vt		có		80	12	8	92
Tân Phong	Hạt giống		Nc&vt		Có		70	15	15	90
Đoan Hùng	Hạt giống	hom Ah	Nc&vt		có		75	15	10	80
Sông Thao	Hạt giống	Viện, ba vì	Nc&vt		có		75	20	5	80
Thanh Hoà	Hạt giống		Nc&vt		có		80	10	10	80
Yên Lập	Hạt giống		Nc&vt		có		80	15	5	80
A Mai	Hạt giống		Nc&vt		có		70	10	20	80
Tam Sơn	Hạt giống		Nc&vt		có		80	5	15	85
Xuân Đại	Hạt giống		Nc&vt		có		75	10	10	80
Tam Thắng	Hạt giống		Nc&vt		có		75	10	15	75
Tam Thanh	Hạt giống		NC		có		70	20	10	85
Lập Thạch	Hạt giống		Nc&vt		có		80	10	10	90
Viện NC	Hạt giống		Nc&vt		có		70	15	10	85

Biểu 08. Danh mục các văn bản quản lý chung của nhà nước và của ngành liên quan đến giống lâm nghiệp

TT	Số Quyết định	Tên văn bản	Nội dung chính và đề xuất	Cấp quyết định
I	Văn bản quản lý			
1	số 03/2004/L-CTN ngày 5/4/2004	Lệnh của Chủ tịch nước công bố Pháp lệnh giống cây trồng	- Pháp lệnh quy định về quản lý và bảo tồn nguồn gen cây trồng mới, bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống, rừng giống; sản xuất kinh doanh giống cây trồng; quản lý chất lượng giống cây trồng, bảo hộ giống cây trồng. - Văn bản này đã thay thế cho nhiều quy định tại các Nghị định, quyết định, thông tư đã ban hành trước đây. - Nhiều khái niệm nội dung quy định cho cây trồng nông nghiệp, không hoàn toàn phù hợp với cây lâm nghiệp cần được cụ thể hoá cho ngành lâm nghiệp. - cần xây dựng hướng dẫn thực hiện pháp lệnh này riêng cho ngành lâm nghiệp.	Chủ tịch nước
2	số 3/2001/NĐ-CP ngày 20/4/2001	Nghị định của Chính phủ về Bảo hộ giống cây trồng	Nghị định này đã được thay thế bằng các quy định tại chương IV trong pháp lệnh nói trên. Văn bản này có thể huỷ bỏ,	Chính phủ
3	số 30/2000/NĐ-CP ngày 11/8/2000	NĐ của CP bãi bỏ 1 số giấy phép và chuyển 1 số giấy phép thành điều kiện kinh doanh	Nghị định đã bãi bỏ một số giấy phép và chuyển một số giấy phép thành điều kiện kinh doanh nhằm đơn giản hoá các thủ tục cho phép kinh doanh. Trong đó có nhiều văn bản liên quan đến kinh doanh giống.	Chính phủ
4	Số 34/2001/QĐ-BNN-VP ngày 30/3/01	Quy định về điều kiện kinh doanh trong 1 số lĩnh vực thuộc ngành trồng trọt và chăn nuôi	Trong quyết định đã quy định điều kiện kinh doanh giống cây trồng và điều kiện sản xuất giống cây trồng với mục đích thương mại.	Bộ NN&PTNT

5	Số 86/2001/QĐ- BNN-KHCN ngày 23/8/2001	Qui định tạm thời về công bố tiêu chuẩn chất lượng đối với hàng hoá chuyên ngành nông nghiệp. Giao trách nhiệm cho cục PTLN hướng dẫn về mặt chuyên môn, theo dõi việc công bố tiêu chuẩn và quản lý chất lượng các loại hàng hoá được giao (giống LN)	Trong văn bản quy định việc công bố chất lượng tiêu chuẩn hàng hoá đối với các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh giống cây trồng (bao gồm cả giống cây lâm nghiệp). Vấn đề này có liên quan đến quản lý chuỗi hành trình giống. Hiện tại ngành lâm nghiệp mới có khả năng công bố chất lượng sinh lý, song chất lượng di truyền là rất quan trọng. Cần có hướng dẫn riêng cho giống cây lâm nghiệp.	Bộ NN&PTNT
6	Số 58/2001/QĐ- BNN-KNKL ngày 23/5/2001	Ban hành danh mục giống cây trồng, giống vật nuôi quý hiếm cấm xuất khẩu, danh mục giống cây trồng giống vật nuôi được nhập khẩu	Trong danh mục mới chỉ quy định cho giống cây trồng vật nuôi nông nghiệp, chưa có cây lâm nghiệp, cần tiến hành đối với cây lâm nghiệp.	Bộ NN&PTNT
7	Số 62/2001/TT- BNN-KHCN ngày 5/6/2001	Thông tư hướng dẫn việc xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá thuộc diện quản lý chuyên ngành nông nghiệp.	Quy định về việc xuất khẩu động vật hoang dã, động vật và thực vật quý hiếm; việc xuất nhập khẩu giống cây trồng và vật nuôi	Bộ NN&PTNT
8	Số 52/2003/QĐ- BNN ngày 6/4/2003	Qui định về khảo nghiệm và công nhận giống cây trồng nông nghiệp mới.	Chỉ quy định cho cây nông nghiệp, cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả, chưa có quy định cho cây lâm nghiệp, cần được bổ sung	Bộ NN&PTNT

9	số 225/1999/QĐ- TTg ngày 10/12/1999	Về phê duyệt chương trình giống cây trồng, giống vật nuôi và giống cây lâm nghiệp 2000- 2005	Chương trình có mục đích đảm bảo đủ giống có chất lượng cho sản xuất; áp dụng khoa học công nghệ để lai tạo và nâng cao chất lượng giống; hình thành hệ thống sản xuất và dịch vụ giống. Chương trình đã thực hiện được 4 năm, đạt nhiều kết quả tốt.	Thủ tướng CP
10	số 101/2001/TTL T-BTC- BNNPTNT, ngày 20/12/2001	Thông tư Hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với kinh phí ngân sách nhà nước đầu tư cho Chương trình giống cây trồng, giống vật nuôi và giống cây lâm nghiệp thời kỳ 2000-2005.	Nguồn vốn ngân sách được đầu tư cho nghiên cứu, giữ nguồn gen, sản xuất giống gốc, giống siêu nguyên chủng..., nhập nguồn gen và giống mới, tập huấn kỹ thuật sản xuất giống mới; đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm thiết bị để tăng cường năng lực nghiên cứu và ứng dụng công nghệ về giống.	Liên Bộ BTC- BNN&PTNT
11	Số 117/1997/QĐ- KHCN&MT, ngày 30/12/1997	Ban hành quy chế quản lý và bảo tồn nguồn gen thực vật, động vật và vi sinh vật	Quy định các đối tượng, nội dung công tác bảo tồn, lưu giữ nguồn gen và tổ chức thực hiện	
13	Số 13/2005/QĐ- BNN, ngày 15/3/2005	Quyết định về ban hành danh mục giống cây lâm nghiệp chính	Công bố giống các loài cây cần quản lý chặt chẽ	Bộ Nông nghiệp và PTNT
14	Số 14/2005/QĐ- BNN, ngày 15/3/2005	Quyết định về ban hành danh mục giống cây lâm nghiệp được sản xuất kinh doanh	Công bố giống các loài cây được phép sản xuất kinh doanh theo 5 đối tượng và mức độ khác nhau về chất lượng nguồn giống hiện có	Bộ Nông nghiệp và PTNT

15	Số 15/2005/QĐ-BNN, ngày 15/3/2005	Quyết định về ban hành danh mục giống cây lâm nghiệp phải áp dụng tiêu chuẩn ngành.	Quy định đối với những loài đã có tiêu chuẩn được ban hành	Bộ Nông nghiệp và PTNT
17	Số 23/QĐ-HĐQT ngày 26/5/2009	Quyết định phê duyệt giá thành sản xuất cây giống trồng rừng năm 2009	Quy định giá thành sản xuất cây giống trong tổng công ty	Tổng công ty
18	Số 234/CV-GVN.LS ngày 15/11/2008	Công Văn hướng dẫn Tổng công ty giấy Việt Nam về việc sử lý hạt giống và gieo ươm cây con năm 2008	Quy định về việc sử lý hạt giống và gieo ươm cây con bằng hạt	Tổng công ty
19	Số 324/CV-GVN.LSPT ngày 21/2/2009	Công văn hướng dẫn các đơn vị về việc báo cáo tiến độ sản xuất cây giống năm 2009	Quy định về việc báo cáo định kỳ về sản xuất cây giống cho các đơn vị trực thuộc	Tổng công ty
20	Số 238/CV-GVN-LSPT ngày 12/10/2009	Về việc đăng ký cung cấp hạt giống	Yêu cầu các đơn vị đăng ký hạt giống phục vụ kế hoạch sản xuất cây giống hàng năm	Tổng công ty

Phụ biểu 09. Các tiêu chuẩn, quy phạm chung về giống

TT	Số Quyết định	Tên văn bản	Nội dung chính và đề xuất	Cấp quyết định
1	Số 124/1998/QĐ-BNN-KHCN ngày 31/8/1998	TCN 17/98: Tiêu chuẩn công nhận giống cây lâm nghiệp	Văn bản này cần bãi bỏ vì đã được thay bằng văn bản số 188/QĐ BNN, ngày 23/1/2003.	Bộ NN&PTNT
2	Số 804/QĐKT ngày 02/11/1993	QPN 15-93: Qui phạm kỹ thuật xây dựng rừng giống và vườn giống	Cần rà soát bổ sung lại.	Bộ Lâm nghiệp
3	Số 804/QĐKT ngày 02/11/1993	QPN 16-93: Qui phạm kỹ thuật xây dựng rừng giống chuyển hoá	Cần rà soát bổ sung lại.	Bộ Lâm nghiệp
4	Số 567/QĐ ngày 27/12/1979	TCVN 3122-79: Hạt giống lâm nghiệp, phương pháp thử	Văn bản này cần bãi bỏ vì đã được thay bằng văn bản số 3919/QĐ-BNN-KHCN, ngày 22/8/2001	UBKH&KTNN
5	Số 188/QĐ-BNN ngày 23/1/2003	04TCN-64-2003: Tiêu chuẩn công nhận giống cây lâm nghiệp	Thay thế cho TCN 17/98 Đã quy định 14 thuật ngữ định nghĩa, tiêu chuẩn giống tạm thời, giống tiên bộ kỹ thuật, giống quốc gia, khảo nghiệm và đánh giá giống, công nhận giống. Còn một số điểm chưa khớp với pháp lệnh giống cây trồng	Bộ NN&PTNT
6	số 3919/QĐ-BNN-KHCN ngày 22/8/2001	04-TCN-33-2001: Hạt giống cây trồng lâm nghiệp - phương pháp kiểm nghiệm	Thay thế cho TCVN 3122-79 . Quy định về cách lấy mẫu và kiểm nghiệm chất lượng sinh lý hạt giống (độ thuần, trọng lượng 1000 hạt, số hạt/Kg, hàm lượng nước, tỷ lệ nảy mầm, thế nảy mầm.	Bộ NN&PTNT

Danh mục các từ Viết tắt

Từ viết tắt	Diễn giải
SXKD	Sản xuất kinh doanh
NLG	Nguyên liệu giấy
NN&PTNT	Nông nghiệp và phát triển nông thôn
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
LSNG	Lâm sản ngoài gỗ
KHCN	Khoa học công nghệ
TCN	Tiêu chuẩn ngành
KNKL	Khuyến nông khuyến lâm
KHCN-MT	Khoa học công nghệ và môi trường
UNDP	Quỹ dân số thế giới
TFF	Quỹ Ủy thác Lâm nghiệp
ACIAR	Trung tâm nghiên cứu nông nghiệp quốc tế AUSTRALIA
FAO	Tổ chức nông ngư thế giới

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Lê Đình Khả; Nguyễn Đình Hải; Trần Cự*. Chọn lọc và khảo nghiệm dòng vô tính keo lai. Báo cáo nghiên cứu. Trung tâm giống cây rừng Hà Nội 1995
2. *Huỳnh Đức Nhân; Nguyễn Sỹ Huống; Nguyễn Thái Ngọc*. Chọn và khảo nghiệm dòng vô tính cho một số loài cây NLG. Báo cáo nghiên cứu. Trung tâm nghiên cứu cây NLG. Phú Thọ 2002
3. *Nguyễn Sỹ Huống*. Nghiên cứu giâm hom bạch đàn. Báo cáo nghiên cứu. Trung tâm nghiên cứu lâm nghiệp. Vĩnh Phú 1991.
4. *Huỳnh Đức Nhân*. Thí nghiệm dòng dõi bạch đàn *E.urophylla*. Báo cáo nghiên cứu. Trung tâm nghiên cứu lâm nghiệp. Vĩnh Phú 1991.
6. *Yyotik K. Sharma*. Điều tra nấm bệnh trong vườn ươm và rừng trồng ở Việt Nam. Dự án UNDP/FAO/VIE92/022. Hỗ trợ kỹ thuật cho dự án WFP4304 “Trồng rừng vùng duyên hải Việt Nam”. Hà Nội 5/1994.
7. *Lê Đình Khả*. Công tác giống đối với trồng rừng thâm canh. Tạp chí Lâm nghiệp. Bộ Lâm nghiệp 3/1988.
8. Báo cáo tổng kết công tác SXKD của Tổng công ty giấy Việt Nam từ 2005-2008.
9. Báo cáo Tổng Công tác SXKD của các công ty lâm nghiệp, Viện từ năm 2005-2008.
10. Chiến lược lâm nghiệp Việt Nam đến năm 2020
11. Chiến lược phát triển giống cây lâm nghiệp giai đoạn 2006-2020
12. *Huỳnh Đức Nhân*. (1996). Tổng quan công tác cải thiện giống và trồng rừng bằng cây mô – hom vùng nguyên liệu giấy Trung tâm định hướng và triển vọng. Trung tâm nghiên cứu lâm nghiệp Phù Ninh
13. *Lê Đình Khả và cộng sự*. (2003). Chọn tạo giống và nhân giống cho một số loài cây trồng rừng chủ yếu ở Việt Nam. Nhà xuất bản Hà Nội.
14. *Lê Quang Liên*, 1994 Nhân giống luồng bằng chiết cành. *Nhân giống sinh dưỡng một số loại cây rừng*. Trung tâm nghiên cứu giống cây rừng trang 35-42.
15. *Lê Đình Khả*. Kỹ thuật vườn ươm và chất lượng cây con trồng rừng. Chương trình lương thực thế giới. Dự án WFP 4301, Tài liệu tập huấn.
16. Công ty giống và phục vụ trồng rừng. 1995. Sổ tay giống và gieo ươm một số loài cây rừng. Nhà xuất bản nông nghiệp Hà Nội.

Danh mục hình

Biểu đồ 01: Trình độ chuyên môn trong công tác giống.

Biểu đồ 02: Diễn biến sản xuất cây con vô tính keo lai và bạch đàn từ 2005-2009.

Biểu đồ 03: Số lượng cây giống sản xuất năm 2009.

Biểu đồ 04: Cơ cấu sử dụng cây giống trên các công ty lâm nghiệp.

Biểu đồ 05: Cơ cấu sử dụng cây giống của Viện.

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
PHẦN 1: TỔNG QUAN	1
1.1 Cơ sở pháp lý của đề tài	1
1.2. Tính cấp thiết và mục tiêu nghiên cứu của đề tài	1
1.2.1. Tính cấp thiết của đề tài	1
1.2.2 Mục tiêu nghiên cứu của đề tài	2
1.3 Địa điểm đối tượng và nội dung nghiên cứu.	2
1.3.1 Địa điểm nghiên cứu.	2
1.3.2 Đối tượng nghiên cứu:	5
1.3.3 Nội dung nghiên cứu	5
1.4 Tổng quan tình hình nghiên cứu.	5
1.4.1 Trên thế giới.	5
1.4.2 ở Việt Nam	8
PHẦN II. THỰC NGHIỆM.	13
2.1. Phương pháp nghiên cứu.	13
2.1.1 Quan điểm nghiên cứu và cách tiếp cận.	13
2.1.2 Phương pháp cụ thể	14
2.2 Kết quả nghiên cứu và thảo luận.	15
2.2.1. Đánh giá hiện trạng quản lý và sản xuất giống.	15
2.2.1.1 Hiện trạng về công tác quản lý giống cây nguyên liệu giấy.	16
2.2.1.2 Hiện trạng nguồn nhân lực .	18
2.2.1.3. Hiện trạng về hệ thống vườn ươm, nhà nuôi cấy mô.	19
2.2.1.4 Thực trạng hệ thống nguồn cung cấp giống cho sản xuất.	21
2.2.1.5 Hiện trạng sản xuất và cung ứng giống cây NLG.	24
2.2.1.6 Hiện trạng về hệ thống tổ chức sản xuất giống.	27

2.2.1.7 Việc thực hiện quy chế về quản lý giống cây trồng và quy trình kỹ thuật trong sản xuất cây giống.	28
2.2.1.8 Thực trạng về cơ chế chính sách hưởng lợi liên quan đến quản lý và sản xuất giống.	30
2.2.2 Đánh giá các hoạt động nghiên cứu phục vụ sản xuất giống.	31
2.2.3. Thực trạng về hợp tác trong nước và quốc tế trong công tác giống.	33
2.2.4. Đánh giá chung về công tác quản lý và sản xuất giống.	34
2.2.4.1. Những kết quả đạt được.	34
2.2.4.2. Những tồn tại	36
2.2.4.3 Thuận lợi và khó khăn trong quản lý và sản xuất giống cây NLG	39
2.2.5 Các giải pháp phát triển công tác Quản lý và sản xuất giống.	41
2.2.5.1 Một số cơ sở đề xuất giải pháp phát triển công tác quản lý và sản xuất giống.	41
2.2.5.2 Giải pháp quản lý sản xuất giống	41
2.2.5.3. Giải pháp về nguồn lực phục vụ công tác sản xuất giống	41
2.2.5.4 Giải pháp đầu tư và huy động nguồn vốn.	46
2.2.5.5 Giải pháp về đất đai	37
2.2.5.6. Giải pháp về khoa học công nghệ	48
2.2.5.7. Giải pháp về hợp tác trong nước và quốc tế .	48
 PHẦN III: KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ	 50
3.1 Kết luận	50
3.2 Tồn tại	51
3.2 Kiên nghị	51